

PV DRILLING • BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ
- PVD

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower,
111A Pasteur, Quận 1, Tp.HCM
Tel: (84.8) 3914 2012
Fax: (84.8) 3914 2021

www.pvdrilling.com.vn



**TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ
- PVD**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2008

NGƯỜI TIÊN PHONG CỦA NGÀNH KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM





Nội Dung

Tầm nhìn - Sứ mệnh	3
Thư gửi Cổ Đông	4
Sơ đồ tổ chức	6
Giới thiệu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	8
Giới thiệu Tổng Công ty PV Drilling	12
Những cột mốc thành công quan trọng của PV Drilling trong năm 2008	26
Các chỉ tiêu tài chính nổi bật trong năm 2008	27
Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008	28
Nhận định thị trường và những hoạch định của PV Drilling trong năm 2009	30
Kế hoạch kinh doanh năm 2009	36
Những giải pháp để PV Drilling vững mạnh trong nền kinh tế dự đoán khó khăn năm 2009	38
Quan hệ cổ đông	40
Quan hệ cộng đồng	42
Báo cáo tài chính	44





NGƯỜI TIÊN PHONG CỦA NGÀNH KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầm Nhìn

Trở thành một nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí tin cậy và có uy tín trên thế giới

Sứ Mệnh

Trở thành nhà thầu khoan và cung cấp dịch vụ kỹ thuật khoan dầu khí hàng đầu trong khu vực, tạo ra những giá trị gia tăng cho khách hàng bằng những dịch vụ chất lượng cao và giá cả cạnh tranh



THƯ GỬI CỔ ĐÔNG

Kính gửi quý cổ đông,

Năm 2008 là một năm đầy cam go và thử thách với tất cả các doanh nghiệp Việt Nam trong đó có PV Drilling. Tuy nhiên, với chiến lược phát triển kinh doanh đúng đắn là tập trung vào lĩnh vực cung cấp giàn khoan và dịch vụ khoan, PV Drilling lại tiếp tục gặt hái thành công vượt bậc. Cùng với các chỉ số tài chính tăng trưởng ở mức cao, doanh thu của PV Drilling trong năm 2008 đạt 3.729 tỷ đồng, tăng 36,2% so với năm 2007, lợi nhuận sau thuế đạt 922 tỷ đồng với mức tăng trưởng ấn tượng 61,3% so với năm 2007, đem lại cho cổ đông mức lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) 7.431 đồng, tăng 20,0% so với năm 2007 (6.192 đồng).

Đây cũng là năm ghi nhận nhiều thành tựu nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling. Hiệu suất hoạt động của giàn khoan biển PV DRILLING I tăng từ 86% lên 99,6%, đạt 2 năm hoạt động an toàn kể từ khi bắt đầu hoạt động và lập kỷ lục hoàn thành giếng khoan trong đá móng sâu nhất với chiều dài 6.526 m tại giếng 9-2-CNV-2P, vùng trũng Cửu Long, Việt Nam. Trong năm này, PV Drilling cũng đã tập trung đầu tư, phát triển hiệu quả các dịch vụ kỹ thuật cao như dịch vụ đo karota khí, slickline,... và tiếp tục duy trì thế mạnh đối với các dịch vụ truyền thống khác như dịch vụ cho thuê thiết bị khoan, ứng cứu sự cố tràn dầu, dịch vụ sửa chữa thiết bị khoan, cung ứng vật tư thiết bị chuyên ngành... Đặc biệt, PV Drilling cũng đã đánh dấu một bước phát triển mới thông qua việc từng bước mở rộng dịch vụ cung ứng nhân lực ra các nước trong khu vực, cùng với việc đầu tư phát triển Trung tâm đào tạo PVD Training. Hướng phát triển này đã chứng tỏ sự thành công bước đầu của PV Drilling trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực khoan có chuyên môn cao, đủ khả năng đảm nhận công tác quản lý và vận hành giàn khoan PV DRILLING I hiện nay cũng như các giàn khoan PV DRILLING II & III sau này.

Song song với việc phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao, việc ứng dụng công nghệ hiện đại luôn được PV Drilling chú trọng để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong tương lai, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị tài chính nói riêng. Trong năm 2008, PV Drilling đã bắt đầu áp dụng Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) bên cạnh hệ thống phần mềm quản lý vật tư Maximo và các hệ thống ứng dụng phục vụ chuyên ngành dầu khí khác đang được áp dụng thành công tại Tổng Công ty, nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Tại
PV Drilling
chúng tôi
luôn nỗ lực
vì sự
phát triển
bền vững
của Tổng
Công ty và
lợi ích của
các cổ đông,
nhà đầu tư

Năm 2008 cũng là một năm tiếp tục thành công của PV Drilling trong các hoạt động liên doanh, liên kết với các công ty, tập đoàn dầu khí nước ngoài, trong đó phải kể đến liên doanh BJ-PV Drilling – đơn vị đã duy trì hiệu quả kinh doanh cao, góp phần đem lại lợi nhuận đáng kể cho Tổng Công ty. Ngoài ra, các liên doanh PVD-PTI, PVD Tubulars Management cũng đã đi vào hoạt động và bước đầu đạt được kết quả khả quan.

Đối với PV Drilling, năm 2008 không thể không kể đến một sự kiện quan trọng, thu hút không ít sự quan tâm của giới đầu tư, đó là việc PV Drilling tiến hành sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) – Công ty do PV Drilling sở hữu 51% vốn điều lệ vào PV Drilling. Mục tiêu chính của việc sáp nhập là để đảm bảo sự phát triển bền vững lâu dài của PV Drilling trong tương lai, với chiến lược trở thành Nhà thầu khoan chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.


Thưa quý vị cổ đông,

Năm 2009 được dự báo là một năm còn khó khăn hơn năm 2008 về nhiều mặt, do độ trễ nhất định của tác động đến từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đến nền kinh tế hội nhập chưa đầy đủ của Việt Nam. Trong đó sự sụt giảm của giá dầu ảnh hưởng đáng kể đến thị trường dầu khí nói chung và thị trường giàn khoan nói riêng, điều này dẫn đến sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp giàn khoan trên phạm vi toàn cầu là điều không tránh khỏi. Mặc dù vậy, đối với thị trường trong nước – thị trường mục tiêu của PV Drilling trong giai đoạn hiện nay – nhu cầu về giàn khoan đặc biệt là giàn khoan tự nâng jack-up được dự báo sẽ khá ổn định. Vì vậy, PV Drilling sẽ vẫn còn nhiều cơ hội tại thị trường mục tiêu này. Hơn thế nữa, cùng với sự suy giảm của nền kinh tế toàn cầu hiện nay, chi phí đầu tư cho các dự án cũng có xu hướng giảm mạnh. Đây sẽ là cơ hội cho PV Drilling tận dụng để đầu tư phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao. Các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao này đã mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho PV Drilling trong năm 2008, cũng như góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp và khả năng cạnh tranh trên thị trường dịch vụ dầu khí của PV Drilling.

Mặt khác, với lợi thế là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam), PV Drilling luôn nhận được sự hỗ trợ hiệu quả và kịp thời từ PetroVietnam trong công tác phát triển sản xuất kinh doanh. Cùng với những thế mạnh của Tổng Công ty như cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đội ngũ quản lý và CBCNV có trình độ, giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết, công tác quản trị doanh nghiệp hiệu quả, tôi tin tưởng rằng PV Drilling sẽ có nhiều cơ hội nắm bắt nhu cầu dịch vụ của thị trường dầu khí Việt Nam, phát huy thế mạnh để duy trì doanh thu và lợi nhuận ở mức tốt nhất có thể trong giai đoạn khó khăn này. Từ đó sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ kể từ năm 2010, đảm bảo mục tiêu lâu dài là gia tăng giá trị cho các cổ đông của PV Drilling, hướng tới mục tiêu đưa PV Drilling trở thành nhà thầu khoan hàng đầu tại Việt Nam.

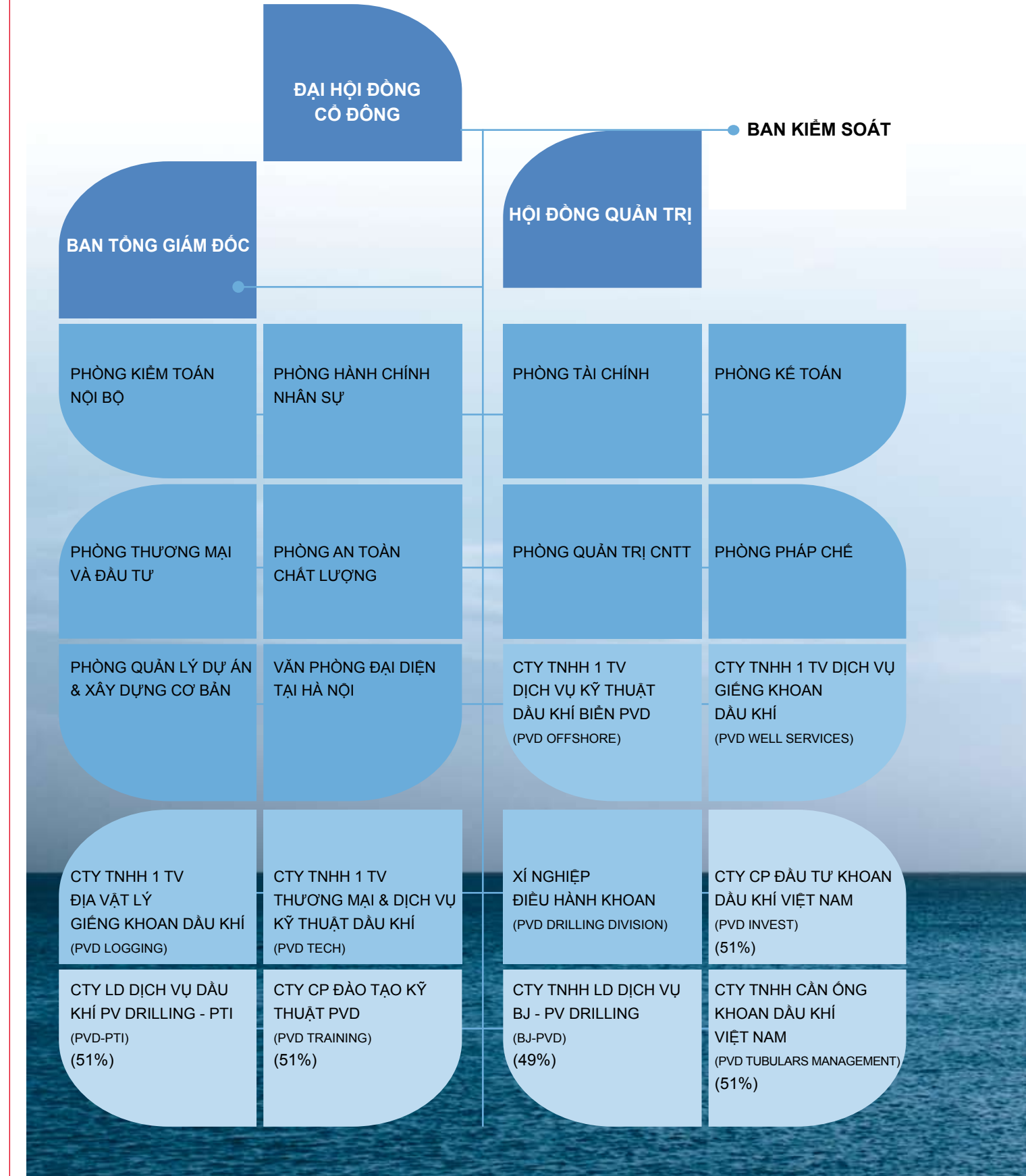
Thay mặt Ban lãnh đạo Tổng Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng, tín nhiệm và ủng hộ của quý cổ đông, PetroVietnam, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, cảm ơn toàn thể CBCNV PV Drilling về những nỗ lực không mệt mỏi và đóng góp quan trọng cho sự thành công của PV Drilling trong năm qua. Cá nhân tôi hoàn toàn tin tưởng với chiến lược kinh doanh đúng đắn và nhất quán cũng như công tác điều hành doanh nghiệp luôn minh bạch và gắn liền lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của cổ đông, PV Drilling sẽ tiếp tục tăng trưởng hướng tới sự phát triển bền vững lâu dài, xứng đáng với sự tin cậy của các nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và công chúng.

Trân trọng



ĐỖ VĂN KHANH
Tổng Giám đốc

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG ĐỖ ĐÌNH LUYỆN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) từ ngày 03/08/2006. Từ tháng 9/1975 – 5/1988, Ông là Chuyên viên Vụ hợp tác Quốc tế, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam. Từ tháng 5/1988 – 9/1997, Ông là Phó giám đốc Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (nay là Tổng Công ty Thăm dò Khai thác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam). Từ tháng 9/1997 – 1/2001, Ông là Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí (nay là Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí). Từ tháng 1/2001 – 8/2006, Ông là Trưởng ban Khí điện, PetroVietnam. Ngày 03/08/2006, Ông Đỗ Đình Luyện được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty PV Drilling. Cùng với các thành viên Hội đồng Quản trị khác là Tiến sĩ Đỗ Văn Khánh, Ông Trần Văn Hoạt và Ông Phạm Tiến Dũng hiện là những người đại diện cho phần vốn (50,38%) của PetroVietnam tại PV Drilling. Ông Luyện tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí dầu khí năm 1973 tại Rumani và tốt nghiệp cử nhân kinh tế năm 1993.

TIẾN SỸ ĐỖ VĂN KHẠNH

*Thành viên HĐQT
(Tổng Giám đốc PV Drilling)*

ÔNG TRẦN VĂN HOẠT

*Thành viên HĐQT
(Phó Tổng Giám đốc PV Drilling)*

ÔNG PHẠM TIẾN DŨNG

*Thành viên HĐQT
(Phó Tổng giám đốc PV Drilling)*



ÔNG NGUYỄN XUÂN SƠN

*Thành viên HĐQT
(Trưởng ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ)*

Là thành viên HĐQT PV Drilling từ ngày 23/01/2006. Từ năm 1985 – 2001, Ông Sơn là Chuyên viên chính Phòng Thương mại Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro. Từ năm 2001-tháng 5/2007, Ông là Giám đốc Chi nhánh Công ty Tài Chính Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh. Từ tháng 5/2007 đến tháng 1/2008, Ông là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí. Từ tháng 1/2008 đến tháng 3/2009, Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Tài Chính Dầu khí. Từ tháng 3/2009 đến nay, Ông là Trưởng ban Quản lý Dự án khí Đông Nam Bộ. Ông tốt nghiệp cử nhân kinh tế dầu tại Liên Xô cũ năm 1984.



ÔNG NGUYỄN HỒNG NAM

Thành viên HĐQT

(Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI)

Là thành viên HĐQT PV Drilling từ ngày 23/01/2006. Từ năm 1994 – 1998, Ông Nam là Chuyên viên Vụ Đầu tư Nước ngoài - Bộ Kế hoạch Đầu tư. Từ năm 1998 – 1999, Ông là Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh Công ty TNHH Xuyên Thái Bình (Pan Pacific). Từ năm 1999 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Ông Nam tốt nghiệp Thạc sỹ khoa học tại Ucraina năm 1992.



ÔNG ĐÀM HẢI GIANG

Thành viên HĐQT

(Trưởng phòng Đầu tư Dự án Ngân hàng Vietcombank)

Là thành viên HĐQT PV Drilling từ ngày 23/01/2006. Từ năm 1994 – nay, Ông Giang là Trưởng Phòng Đầu tư Dự án của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). Ông Giang tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại Vương quốc Anh.

BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ THỦY

Trưởng Ban kiểm soát

(Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí)



BÀ PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Thành viên Ban Kiểm soát

(Phó Phòng Kế toán Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank)



ÔNG NGUYỄN KIM LONG

Thành viên Ban kiểm soát

(Trưởng phòng Pháp chế Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - SSI)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TIẾN SĨ ĐỖ VĂN KHẠNH

Tổng Giám đốc – Tổng Công ty PV Drilling

Gia nhập ngành dầu khí từ năm 1984, với 24 năm kinh nghiệm trong ngành khoan dầu khí, Ông Khanh đã được giao trọng trách xây dựng và quản lý Xí nghiệp PTSC Offshore từ năm 1994, tiền thân của Tổng công ty PV Drilling ngày nay. Từ năm 1984 – 1992, Ông là Kỹ sư khoan Công ty Dầu khí Thái Bình, Kỹ sư khoan PetroVietnam II và là Trưởng đại diện PetroVietnam tại Đà Nẵng. Từ năm 1992 – 1994, Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Liên doanh Khoan Odfjell, đơn vị liên doanh giữa PetroVietnam và Công ty Dầu khí Odfjell của Na Uy. Từ năm 1994 – 2001, Ông là Giám đốc Xí nghiệp PTSC Offshore, thuộc Công ty PTSC – đơn vị thành viên của PetroVietnam. Từ khi thành lập Tổng Công ty PV Drilling vào tháng 11/2001 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling. Ông Khanh tốt nghiệp Kỹ sư khoan Dầu khí năm 1984 và Tiến sĩ Địa chất Dầu khí năm 2005.

2. ÔNG TRẦN VĂN HOẠT

Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling

Ông Hoạt có 25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, trong đó 18 năm làm việc cho Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro – đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Nga, đảm nhiệm các chức danh lần lượt là Đốc công khoan, Chánh kỹ sư và Giàn trưởng giàn khoan tự nâng Cửu Long, 4 năm làm việc tại công ty Dầu khí I Thái Bình. Ông Hoạt giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling từ khi gia nhập Tổng Công ty PV Drilling vào năm 2001 đến nay. Ông Hoạt tốt nghiệp Kỹ sư khoan Dầu khí năm 1982, Ông cũng có chứng chỉ Kỹ sư khoan dầu khí nâng cao tại Liên Xô cũ.

3. TIẾN SĨ VĂN ĐỨC TÙNG

Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling

Ông Tùng có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cơ khí thiết bị khoan và khai thác dầu khí. Khởi nghiệp là chuyên viên cơ khí thiết bị khoan tại Công ty Dầu khí I Thái Bình từ tháng 6 năm 1981, Ông hiện được xem là một trong những chuyên gia hàng đầu về giàn khoan tại Việt Nam. Từ năm 1982 - 1984, Ông là Cán bộ Trưởng Đào tạo CBCN tại XNLD, Vũng Tàu. Từ năm 1984 – 1987, Ông giữ chức vụ Kỹ sư trưởng XNLD Vietsovpetro. Từ năm 1987 – 2002, Ông lần lượt được bổ nhiệm vào các chức danh quản lý của XNLD Vietsovpetro: Phó Giàn cơ khí Xí nghiệp Khoan VSP; Phó phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng cơ khí XN khoan VSP; Trưởng phòng Cơ khí-điện-Tự động hóa Liên Doanh VSP. Từ tháng 11/2002 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling. Ông Tùng tốt nghiệp Tiến sĩ Thiết bị công nghệ chế tạo máy khoan và khai thác dầu khí tại Rumani năm 1981.



4. ÔNG PHẠM TIẾN DŨNG

*Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling
Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan*

Ông Dũng có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dầu khí. Ông đã tham gia và làm việc cho các công ty dịch vụ dầu khí đa quốc gia tại nhiều nước trên thế giới (Singapore, Úc, Thái Lan...). Từ năm 2002 - 2005, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí thuộc Tổng Công ty PV Drilling. Từ năm 2005 đến tháng 7/2006, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Khoan Dầu khí. Từ tháng 7/2006 đến nay, Ông là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling kiêm Giám đốc Xí nghiệp Điều hành Khoan. Ông Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Cơ khí năm 1988.

5. ÔNG LƯƠNG TRỌNG DIỆP

Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling

Ông Diệp có 7 năm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, 13 năm làm việc trong các công ty thuộc lĩnh vực dịch vụ dầu khí. Từ năm 1995 – 1998, Ông là Nhóm trưởng Phòng xuất khẩu dầu thô Công ty Thương mại Dầu khí. Từ năm 1998 – 2002, Ông là Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Thương mại Dầu khí. Từ tháng 02/2002 – 3/2006, Ông là Trưởng Phòng Thương mại Tổng Công ty PV Drilling. Từ tháng 03/2006 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling. Ông Diệp tốt nghiệp Cao học quản trị kinh doanh tại Úc, Thạc sỹ Tài chính kế toán tại Vương quốc Anh.

6. ÔNG HÒ VŨ HẢI

*Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling
Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD*

Từ năm 1994 – 2001, Ông Hải là Đội trưởng đội ứng cứu tràn dầu thuộc Xí nghiệp PTSC Offshore – đơn vị thành viên Công ty PTSC. Từ khi thành lập PV Drilling vào tháng 11/2001 – 06/2006, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Ứng cứu Sự cố Tràn dầu - đơn vị thành viên của Tổng Công ty PV Drilling. Từ tháng 06/2006 – 07/2007, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khoan – đơn vị thành viên của Tổng Công ty PV Drilling. Từ tháng 07/2007 đến nay, Ông giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Biển PVD (PVD Offshore) trực thuộc Tổng Công ty PV Drilling. Từ tháng 01/2008, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling, kiêm Giám đốc Công ty PVD Offshore. Ông Hải tốt nghiệp Kỹ sư điều khiển tàu biển năm 1992.

7. BÀ HÒ NGỌC YẾN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty PV Drilling

Bà Phương có 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, trong đó có 12 năm giữ vai trò là người đứng đầu bộ phận Tài chính Kế toán tại các công ty lớn. Từ năm 1993 – 1995, Bà là Kế toán tại Tổng Công ty Nông Thủy sản (Agrimex). Từ năm 1995, Bà là Kế toán trưởng Công ty FDI VMEP (nay là Công ty SYM) đến năm 1998, Bà được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc (phụ trách Tài chính Kế toán) Công ty liên doanh VMEP - SYM. Từ năm 2000 – 2003, Bà là Financial Controller của Công ty Holcim Việt Nam. Từ năm 2003 – 7/2007, Bà là Giám đốc Tài chính (CFO) Công ty S Telecom (Sfone). Từ tháng 7/2007 – 11/2007, Bà chuyển về Tổng Công ty PV Drilling với cương vị là Trưởng phòng Tài chính Chứng khoán – Giám đốc Tài chính Tổng Công ty PV Drilling. Đến tháng 8/2008, Bà được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty PV Drilling. Bà Phương tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính Kế toán Quốc tế tại Trường Đại học Swinburne - Australia.

8. ÔNG ĐOÀN ĐẮC TÙNG

Kế toán trưởng Tổng công ty PV Drilling

Ông Tùng đảm nhiệm chức vụ Phó Phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty PV Drilling từ tháng 01/2002 đến tháng 02/2006. Từ tháng 03/2006 đến nay ông Tùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng của Tổng Công ty PV Drilling. Ông Tùng tốt nghiệp cử nhân kinh tế của Trường Đại học Tài chính Kế toán năm 1994.

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

Ban Điều hành và toàn thể CBCNV Tổng Công ty PV Drilling hoàn toàn tin tưởng vào chiến lược phát triển của Tổng Công ty **PV Drilling** với mục tiêu trở thành nhà thầu khoan chuyên nghiệp đẳng cấp quốc tế

Quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty PV Drilling

- o Năm 1994, Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển (PTSC Offshore) đơn vị trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí được thành lập.
- o Ngày 26/11/2001, PV Drilling, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam), được thành lập trên cơ sở nhận chuyển giao hoạt động sản xuất kinh doanh từ PTSC Offshore.
- o Ngày 15/02/2006, PV Drilling chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí.
- o Ngày 5/12/2006, cổ phiếu của PV Drilling chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.
- o Ngày 08/03/2007, PV Drilling chính thức khánh thành và đưa vào sử dụng giàn khoan biển tự nâng PV DRILLING I.
- o Ngày 11/05/2007, PV Drilling chuyển đổi thành Tổng Công ty PV Drilling hoạt động theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con.
- o Ngày 09/11/2008: Đại hội đồng cổ đông bất thường của PV Drilling thông qua phương án sáp nhập Công ty cổ phần Đầu tư Khoan dầu khí Việt Nam (PVD Invest) vào PV Drilling.

Các loại hình dịch vụ

- o PV Drilling chuyên cung cấp các dịch vụ chuyên ngành khoan phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí tại Việt Nam và trong khu vực.

Dịch vụ khoan

- o Sở hữu & điều hành giàn khoan biển và đất liền.

Dịch vụ kỹ thuật khoan và hỗ trợ công tác khoan

- o Cho thuê thiết bị khoan
- o Đo karota khí và cung cấp chuyên gia địa chất
- o Kéo thả ống chống
- o Cứu kẹt sự cố giếng khoan, sửa chữa giếng khoan, hủy giếng, hủy mỏ
- o Dịch vụ thiết bị đầu giếng
- o Ứng cứu sự cố dầu tràn
- o Sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm định vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí
- o Cung cấp nhân lực khoan
- o Cung cấp vật tư, thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác
- o Bảo trì thiết bị công nghiệp: lắp đặt, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các cụm thiết bị, và dây chuyền công nghiệp.
- o Chế tạo ống chống, thiết kế chế tạo cụm thiết bị và kết cấu kim loại.
- o Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác

Dịch vụ kỹ thuật khác hợp tác với các đối tác nước ngoài

- o Bơm trám xi măng và kích thích vỉa
- o Thử vỉa và khai thác sớm
- o Khoan định hướng và đo địa vật lý giếng khoan, cắt mẫu khoan, chống ống lửng, hoàn thiện giếng
- o Cung cấp dịch vụ trọn gói OCTG, sửa chữa bảo dưỡng OCTG

Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, Tổng Công ty PV Drilling có hơn 1.100 cán bộ công nhân viên và cơ cấu tổ chức của PV Drilling bao gồm văn phòng điều hành Tổng Công ty và các đơn vị thành viên như sau:

Các Công ty 100% vốn của PV Drilling

- o Xí nghiệp Điều hành Khoan
PVD DRILLING DIVISION
- o Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí biển PVD
PVD OFFSHORE
- o Công ty Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí
PVD WELL SERVICES
- o Công ty Địa vật lý Giếng khoan Dầu khí
PVD LOGGING
- o Công ty TM và Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí
PVD TECH

Các Công ty Cổ phần và Liên doanh do PV Drilling góp vốn và điều hành

- o Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam
PVD Invest (51%)
- o Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD
PVD Training (51%)
- o Công ty Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling
BJ-PVD (49%)
- o Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu khí PV Drilling-PTI
PVD-PTI (51%)
- o Công ty TNHH Cản ống Khoan dầu khí Việt Nam
PVD Tubulars Management (51%)



Dịch vụ khoan là dịch vụ thế mạnh của **PV Drilling**

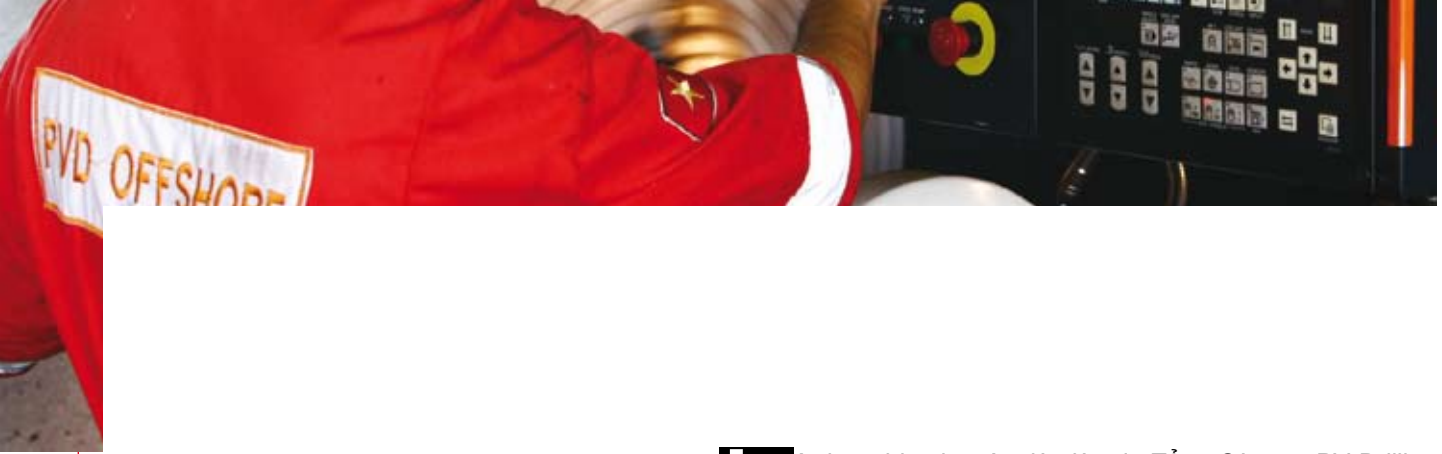
XÍ NGHIỆP ĐIỀU HÀNH KHOAN

(PVD Drilling Division)



Là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty PV Drilling, thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động của các giàn khoan, hiện đang điều hành hiệu quả giàn khoan biển PV DRILLING I và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11. Trong năm 2008, Xí nghiệp Điều hành khoan đã đóng góp 40% tổng doanh thu và 80% tổng lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty PV Drilling, chủ yếu là nhờ 02 giàn khoan nói trên hoạt động ổn định, đạt hiệu suất cao trên 99% cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ quản lý và các kỹ sư vận hành giàn khoan.





Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 100% vốn, chuyên cung cấp các dịch vụ nhân lực khoan, sửa chữa bảo dưỡng kiểm định thiết bị dầu khí, ứng cứu sự cố dầu tràn và xử lý chất thải. Năm 2008 là năm PVD Offshore đạt sự tăng trưởng vững chắc về doanh thu và lợi nhuận, với 309 tỷ đồng doanh thu, tăng 50,9% so với năm 2007 và 90 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng 39,7% so với năm trước, trong đó mảng dịch vụ cung cấp nhân lực khoan đóng góp nhiều nhất, khoảng 56% trong tổng số doanh thu và lợi nhuận và chiếm khoảng 90% thị phần trong nước. Trong năm 2008, PVD Offshore không những cung cấp nhân lực khoan cho 2 giàn của Tổng Công ty PV Drilling mà còn cung cấp nhân lực cho các giàn khoan hoạt động ở nước ngoài: Trident 9 (Singapore) & 16 (Malaysia) của Transocean, WillBoss của Premium (Philippines), Doosung (Hàn Quốc). Ngoài ra, PVD Offshore cũng cung cấp một số kỹ sư máy cho tàu khoan Neptune Discoverer tại Venezuela.

CÔNG TY DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ BIỂN PVD (PVD Offshore)





Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 100% vốn, chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan như cho thuê thiết bị khoan, kéo thả ống chống, khoan định hướng và đo trong khi khoan, lấy mẫu lõi, cứu kẹt và hủy giếng, treo đầu ống chống lừng và hoàn thiện giếng. Trong năm 2008, PVD Well Services đã xuất sắc tăng thị phần tại Việt Nam đối với dịch vụ khoan định hướng, một trong những dịch vụ kỹ thuật cao hàng đầu trong ngành dầu khí, từ 10% lên 80%. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự kỹ thuật cao cho dịch vụ khoan định hướng cũng như dịch vụ kéo thả ống chống, qua đó nâng cao tỷ lệ nhân sự tự thực hiện các dịch vụ này, góp phần giảm sự phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài trong việc cung cấp các dịch vụ nói trên. Với những nỗ lực nêu trên, trong năm 2008 PVD Well Services đã đạt được 641 tỷ đồng doanh thu, tăng 64,4% so với năm 2007 và 47 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.



CÔNG TY DỊCH VỤ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ (PVD Well Services)

CÔNG TY ĐỊA VẬT LÝ GIẾNG KHOAN DẦU KHÍ

(PVD Logging)

Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 100% vốn, chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao như đo karota khí, cung cấp chuyên gia địa chất, đo karota khí khai thác, đo địa vật lý giếng khoan và thử vỉa. Năm 2008, PVD Logging đạt tốc độ tăng trưởng 71,3% so với năm 2007, tổng doanh thu đạt 556 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 39 tỷ đồng, tăng 28,7% so với năm trước. Có được thành quả nêu trên là do PVD Logging đã chú trọng phát triển các dịch vụ tự cung cấp có tỷ suất lợi nhuận cao như Mud Logging, Slickline, Wellsite Geologist. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự thích hợp thông qua việc áp dụng chính sách nhân sự tốt để tuyển chọn những nhân sự cốt cán có nhiều kinh nghiệm và uy tín từ các công ty quốc tế về làm việc cho PVD Logging, qua đó tăng cường nội lực cho Công ty với chi phí đào tạo thấp.



CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ (PVD Tech)

Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 100% vốn, chuyên mua bán thiết bị vật tư chuyên ngành dầu khí và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác. Một trong những thành tựu nổi bật của PVD Tech trong năm 2008 là cung cấp dịch vụ lắp đặt đầu giếng khoan cho các khách hàng Premier Oil, Truong Son JOC và đã đưa dịch vụ này ra nước ngoài bằng việc cung cấp dịch vụ cho công ty Nido tại Philippines. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn tất đầu tư và đưa vào sử dụng Căn cứ nhà xưởng và văn phòng làm việc tại Khu công nghiệp Đông Xuyên với quy mô 2,5ha được trang bị đồng bộ các thiết bị như cần cẩu 30 tấn, cần cẩu 15 tấn, xe nâng 8 tấn, máy hàn Lincoln, Miller, máy tiện, máy phay, máy nắn dầm và các thiết bị khác. Trong năm 2008, PVD Tech là đơn vị đứng vị trí thứ 2 trong việc đóng góp doanh số cho Tổng Công ty PV Drilling với doanh thu đạt 706 tỷ đồng, chiếm 19% trong tổng doanh thu của Tổng Công ty PV Drilling) và lợi nhuận sau thuế là 22 tỷ đồng, tăng 84,8% so với năm 2007.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVD Invest)

Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 51% vốn, chuyên đầu tư cho thuê giàn khoan và các thiết bị kỹ thuật chuyên ngành phục vụ chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng Công ty PV Drilling. PVD Invest là chủ đầu tư 02 giàn khoan biển PV DRILLING II và PV DRILLING III, dự kiến 02 giàn khoan này sẽ được đưa vào sử dụng cuối năm 2009. Ngày 25/10/2008, Đại hội đồng cổ đông bất thường của PVD Invest đã ban hành Nghị quyết thông qua phương án sáp nhập PVD Invest vào Tổng Công ty PV Drilling, các thủ tục sáp nhập dự kiến sẽ hoàn tất trong quý II năm 2009, qua đó góp phần tránh xung đột về lợi ích cũng như cộng hưởng sức mạnh của cả 2 đơn vị, nâng cao giá trị tăng trưởng và giá trị nội tại cho cổ phiếu PVD. Mặc dù đang trong giai đoạn đầu tư 02 giàn khoan nói trên nhưng PVD Invest vẫn có lãi trong 02 năm liền. Năm 2008, Công ty đạt 16 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, cao hơn năm 2007 là 72,7%.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO KỸ THUẬT PVD (PVD Training)

Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 51% vốn, PVD Training hiện là đối tác độc quyền của Viện Công Nghệ hàn Vương Quốc Anh (TWI) tại Việt Nam và Công Ty đào tạo an toàn SeaTag Offshore Newzeland chuyên cung cấp các khoá đào tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực an toàn và chuyên ngành kỹ thuật cao cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác như đào tạo kỹ sư/chuyên viên giám sát chất lượng công tác hàn; đào tạo kỹ năng giàn giáo công nghiệp, lái cầu, móc cáp treo hàng, tổ chức đào tạo và thi thợ hàn cấp chứng chỉ quốc tế; đào tạo an toàn biển... Năm 2008 ghi nhận bước phát triển vượt bậc của PVD Training với việc đưa vào hoạt động Trung tâm Đào tạo kỹ thuật hàn chất lượng cao tại Khu Công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội và xây dựng mới khu nhà văn phòng điều hành, lớp học, nhà xưởng mới khang trang hiện đại tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Tp. Vũng Tàu. Năm 2008, PVD Training tăng trưởng gần 70% so với năm 2007, với doanh số đạt 33 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế gần 7 tỷ đồng.



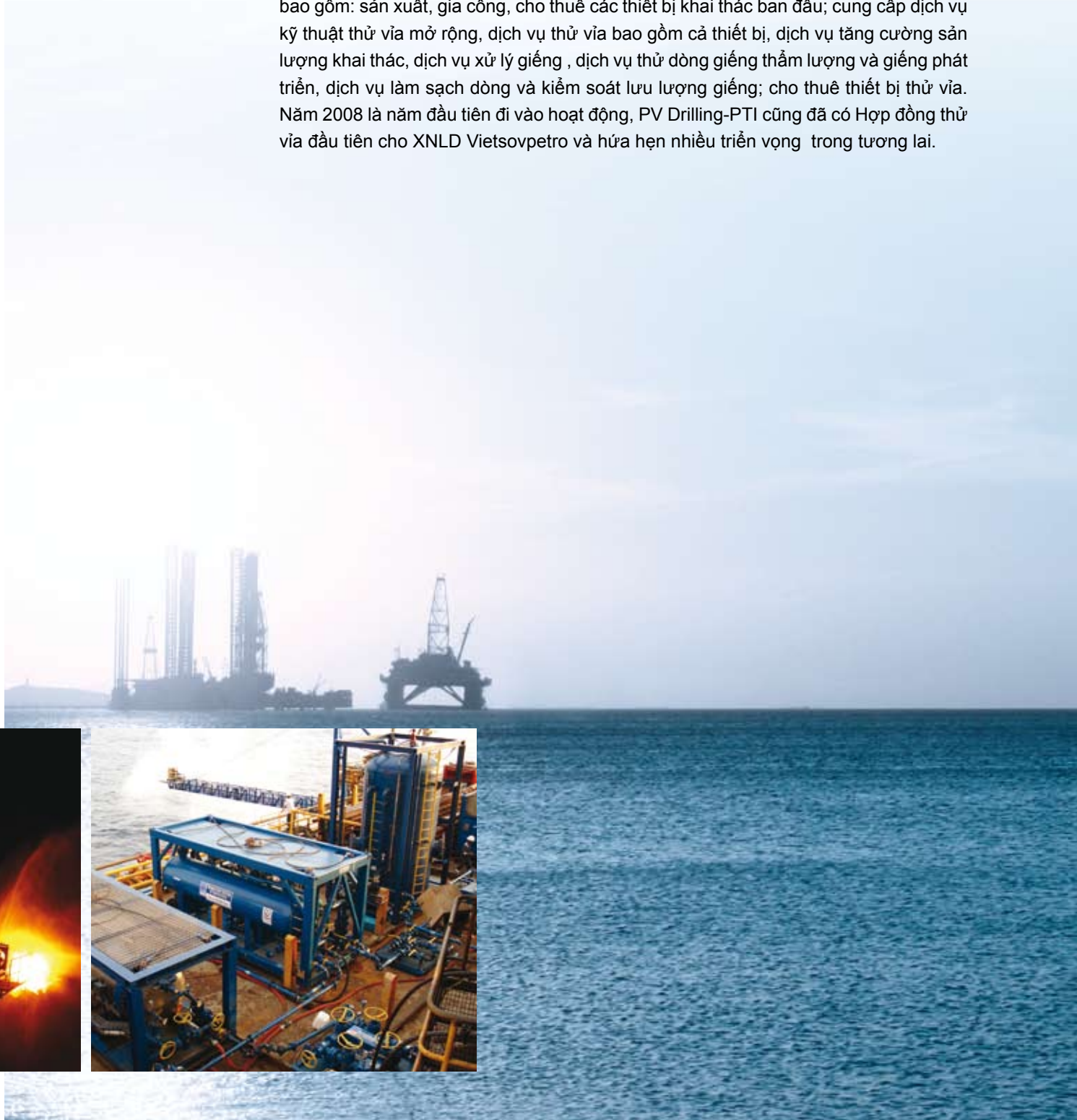
CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ BJ-PV DRILLING (BJ - PVD)

Là đơn vị hạch toán độc lập do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 49% vốn, chuyên cung cấp các dịch vụ chuyên ngành như bơm trám xi măng; dịch vụ kích thích vỉa, kéo thả ống mềm; dịch vụ hoàn thiện giếng; dịch vụ tách lọc chất rắn và xử lý cát; dịch vụ tạo nứt vỉa; dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng và cung cấp thiết bị vật tư liên quan đến các dịch vụ nói trên. Năm 2008 tiếp tục là một năm thành công vượt trội của Công ty BJ-PV Drilling, theo đó Công ty đã đạt được mức doanh số khoảng 420 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế khoảng 110 tỷ đồng, đóng góp hơn 55 tỷ đồng lợi nhuận cho Tổng Công ty PV Drilling, tăng 66,5% so với lợi nhuận được chia của năm 2007.



CÔNG TY LIÊN DOANH DỊCH VỤ DẦU KHÍ PV DRILLING-PTI (PVD-PTI)

Là đơn vị hạch toán độc lập do PVD Logging sở hữu 51% vốn, chuyên cung cấp các dịch vụ giếng khoan cho các giai đoạn thăm dò, thăm lường, phát triển và khai thác bao gồm: sản xuất, gia công, cho thuê các thiết bị khai thác ban đầu; cung cấp dịch vụ kỹ thuật thử vỉa mở rộng, dịch vụ thử vỉa bao gồm cả thiết bị, dịch vụ tăng cường sản lượng khai thác, dịch vụ xử lý giếng, dịch vụ thử dòng giếng thăm lường và giếng phát triển, dịch vụ làm sạch dòng và kiểm soát lưu lượng giếng; cho thuê thiết bị thử vỉa. Năm 2008 là năm đầu tiên đi vào hoạt động, PV Drilling-PTI cũng đã có Hợp đồng thử vỉa đầu tiên cho XNLD Vietsovpetro và hứa hẹn nhiều triển vọng trong tương lai.



CÔNG TY TNHH CẦN ỐNG KHOAN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVD Tubulars Management)

Là đơn vị hạch toán độc lập do PVD Tech sở hữu 51% vốn, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 10/2008 với ngành nghề kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ Total Tubular Management (TTM); cung cấp các dịch vụ liên quan khác như tiện ren, sửa chữa, bảo trì, kiểm định và dịch vụ logistics; nhập khẩu và phân phối cho các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác. Hiện nay, Công ty đang triển khai xây dựng trụ sở và nhà xưởng tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng diện tích 3ha.



NHỮNG CỘT MỐC THÀNH CÔNG QUAN TRỌNG CỦA PV DRILLING TRONG NĂM 2008

Giàn khoan biển PV DRILLING I đạt 2 năm hoạt động an toàn (LTI free) kể từ khi bắt đầu hoạt động từ tháng 3/2007.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt nam – Liên doanh giữa Tổng Công ty PV Drilling và Công ty Marubeni Itochu – đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 7/10/2008.

Giàn PV DRILLING I đạt kỷ lục hoàn thành giếng khoan trong đá móng **sâu nhất** với chiều dài 6.526m tại giếng 9-2-CNV-2P, vùng trũng Cửu Long, Việt Nam.

Tổng Công ty PV Drilling đã **hoàn thành vượt mức kế hoạch** lợi nhuận cả năm 2008.

Giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 đạt kỷ lục khoan khoảng khoan dài nhất là 208,5 m với một (01) chòong khoan Smith Bit – 6”K505BPX tại thành hệ Hamra Quartzite, tại Algeria.

Tổng Công ty PV Drilling vinh dự được **nằm trong danh mục 10 cổ phiếu hàng đầu Việt Nam** do hãng định mức tín nhiệm nổi tiếng thế giới Standard & Poor’s xếp hạng.

Dịch vụ cấp tời và karota khai thác (slickline) **triển khai thành công** cho các khách hàng Thăng Long và Trường Sơn JOC.

Tổng Công ty PV Drilling **thành công huy động vốn cho giàn khoan PV DRILLING III trên thị trường tài chính quốc tế.**

Hệ thống điều hành **ERP** - phân hệ tài chính kế toán, đã được triển khai và vận hành tốt từ 1/1/2008.

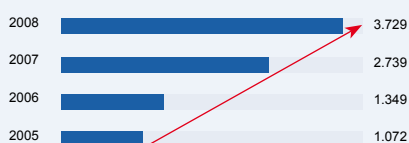
Tổng Công ty PV Drilling tiến hành **sáp nhập PVD Invest**, công ty do Tổng Công ty PV Drilling sở hữu 51% vốn, sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương và phương án sáp nhập.



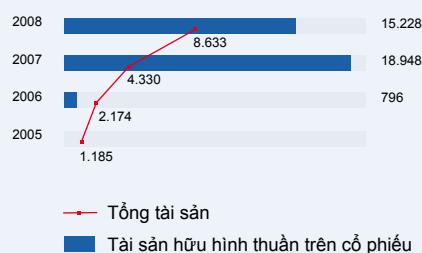


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT TRONG NĂM 2008

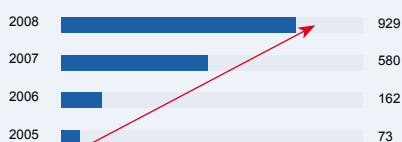
DOANH THU (TỶ VND)



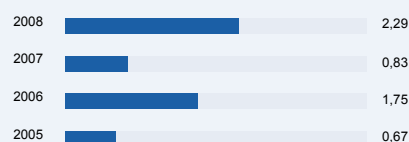
TỔNG TÀI SẢN (TỶ VND)
TÀI SẢN HỮU HÌNH THUẦN
TRÊN CỔ PHIẾU (VND)



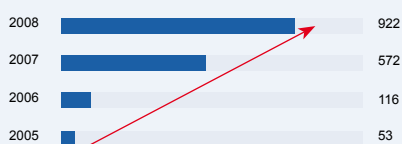
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
(TỶ VND)



CHỈ SỐ NỢ TRÊN
VỐN CHỦ SỞ HỮU



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(TỶ VND)



LÃI TRÊN CỔ PHIẾU
(VND)



Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2007	2006	2005
Doanh thu	tỷ đồng	3.729	2.739	1.349	1.072
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	929	580	162	73
Lợi nhuận thuần	tỷ đồng	922	572	116	53
Tỷ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	lần	2,29	0,83	1,75	0,67
Tài sản hữu hình thuần trên cổ phiếu	đồng	15.228	18.948	796	N/A
Tổng tài sản	tỷ đồng	8.633	4.330	2.174	1.185
Lãi trên cổ phiếu	đồng	7.431	6.192	1.712	N/A



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2008

Năm 2008 cũng là một năm phát triển nhanh và vững mạnh của Tổng Công ty PV Drilling mặc dù tình hình kinh tế chung gặp nhiều khó khăn.

Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008

Sự phát triển và thành công trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty PV Drilling trong năm 2008 được thể hiện qua các chỉ tiêu tài chính sau đây:

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Đơn vị tính	2008	2007	2006	2005
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu	tỷ đồng	3.729	2.739	1.349	1.072
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	929	580	162	73
Lợi nhuận sau thuế (của cổ đông của Cty mẹ)	tỷ đồng	922	572	116	53
Các thông số chính trên Bảng cân Đối Kế toán					
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	2.133	1.864	792	711
Lợi ích của cổ đông thiểu số	tỷ đồng	491	497	-	-
Tổng tài sản	tỷ đồng	8.633	4.330	2.174	1.185
Tổng nợ	tỷ đồng	6.008	1.969	1.383	474
Hiệu quả hoạt động kinh doanh					
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	24,73	20,88	8,63	4,90
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (số CP bình quân)	đồng	7.431	6.192	1.712	N/A
Số lượng cổ phiếu cuối kỳ	triệu	132,17	110,14	68,00	N/A
Tỷ lệ cổ tức sau khi trích lập các quỹ	%	49,80	38,51	14,00	N/A
Các chỉ số tài chính chủ yếu					
ROE (Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu)	%	46,14	43,07	15,50	12,88
ROE (Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn điều lệ)	%	74,31	61,92	17,12	53,94
ROA	%	14,23	17,72	6,93	7,16
Tỷ suất thanh toán nhanh	lần	0,99	2,42	0,91	1,35
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu	lần	2,29	0,83	1,75	0,67

Ghi chú: Số liệu trên được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của các Đơn vị sau:

Văn phòng Tổng Công ty

Xí Nghiệp Điều Hành Khoan

Công ty TNHH Một Thành Viên Địa Vật Lý Giếng Khoan Dầu Khí (PVD Logging)

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Giếng Khoan Dầu Khí (PVD Well Services)

Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Biển (PVD Offshore)

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí (PVD Tech)

Công Ty Cổ Phần Đào Tạo Kỹ Thuật PVD (PVD Training)

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Khoan Dầu Khí Việt Nam (PVD Invest)

Lợi nhuận bao gồm cả phần lợi nhuận được chia từ công ty TNHH Liên Doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling và công ty TNHH Liên Doanh PV Drilling-PTI



Doanh thu

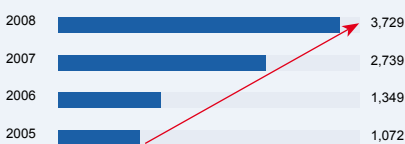
Mặc dù tình hình kinh tế - tài chính thế giới và Việt Nam có nhiều biến động trong năm 2008, doanh thu của Tổng Công ty PV Drilling vẫn tăng trưởng mạnh, tăng 36,2% từ 2.739 tỷ đồng (năm 2007) lên đến 3.729 tỷ đồng (năm 2008) và đạt 124,3% so với kế hoạch đề ra.

Sự tăng trưởng mạnh nêu trên chủ yếu là do tăng hiệu suất hoạt động của hai giàn khoan, giàn khoan biển PV DRILLING I tăng từ 86,0% lên đến 99,6% và giàn khoan đất liền PV DRILLING 11 tăng từ 94,0% lên 99,0% bên cạnh việc hoạt động xuyên suốt trong năm của giàn khoan biển, đồng thời gia tăng các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng như Thăng Long, Trường Sơn, Cửu Long, Premier Oil,...

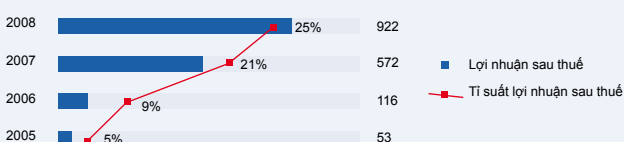
Lợi nhuận

Năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling đã đạt được mức lợi nhuận sau thuế ấn tượng là 922 tỷ đồng, tăng đến 61,3% so với lợi nhuận của năm trước (572 tỷ đồng cho năm 2007) và đạt 131,7% so với kế hoạch. Trong tổng số 922 tỷ lợi nhuận trong năm 2008, khoảng 80% được đóng góp từ hai giàn khoan biển và đất liền, phần còn lại từ các dịch vụ khác. Ngoài đóng góp của ngành kinh doanh chính là cho thuê và vận hành giàn khoan, việc mở rộng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, có tỷ suất lợi nhuận lớn như dịch vụ Well testing, Mud logging, Wireline logging,... bên cạnh công tác tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động cũng góp phần gia tăng lợi nhuận của PV Drilling. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế tăng từ 20,9% trong năm 2007 lên 24,7% trong năm 2008.

XU HƯỚNG DOANH THU (TỶ VND)



XU HƯỚNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VND)



Cổ tức

Lợi ích của cổ đông trong năm 2008 cũng được gia tăng đáng kể theo sự tăng trưởng mạnh của lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt đến 74,3%, tăng 12,1% so với năm 2007. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tăng 20,0%, từ 6.192 đồng/ cổ phiếu trong năm 2007 lên 7.431 đồng/ cổ phiếu trong năm 2008. Sau khi thực hiện trích lập các quỹ theo quy định, dự kiến tỷ lệ cổ tức tính trên vốn điều lệ đạt 49,8%, tăng 11,3% so với năm 2007.

Cơ cấu vốn và nguồn vốn

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, tổng tài sản của Tổng Công ty PV Drilling đạt 8.633 tỷ đồng, tăng 99,38% so với năm 2007 chủ yếu do việc đầu tư xây dựng mới hai giàn khoan tự nâng PV DRILLING II và PV DRILLING III.

Trong tổng số tài sản nói trên, 30% được hình thành từ nguồn vốn góp của cổ đông và lợi nhuận tích lũy, phần còn lại từ nguồn vốn vay tín dụng và việc sử dụng vốn từ các khoản phải trả chưa đến hạn thanh toán.

Trong năm 2008, Tổng Công ty cũng đã thu xếp thành công vốn vay cho dự án đóng mới giàn khoan tự nâng PV DRILLING III với tổng mức vay là 150 triệu USD, thời hạn vay 6,5 năm, trong đó 115 triệu USD được tài trợ từ các ngân hàng nước ngoài HSBC, ANZ, RBS,... và phần còn lại do BIDV tài trợ với chi phí tài chính cạnh tranh. Tính đến cuối năm 2008, tổng số tiền Tổng Công ty PV Drilling đã thanh toán nhà thầu KFELS để đóng 02 giàn khoan PV DRILLING II và III là 211,1 triệu USD, chiếm 53% tổng giá trị hợp đồng cần thanh toán.

TỔNG DOANH THU

3.729 TỶ ĐỒNG

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

922 TỶ ĐỒNG



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG HOẠCH ĐỊNH CỦA PV DRILLING TRONG NĂM 2009

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định thị trường quốc tế và khu vực

Tổng Công ty PV Drilling nhận định năm 2009 sẽ là một năm đầy khó khăn và thử thách hơn năm 2008. Cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu cùng với giá dầu giảm mạnh trên thế giới đã ảnh hưởng rất lớn đối với xu hướng giảm của các hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí, kéo theo sự sụt giảm đối với nhu cầu về dịch vụ khoan. Tuy nhiên, tại khu vực Đông Nam Á và Việt Nam, dù bị ảnh hưởng bởi tình hình chung nhưng được dự báo sẽ vẫn khá ổn định trong giai đoạn này.

Theo tài liệu mà các chuyên gia dự báo, với tình hình giá dầu trên thế giới đang giảm như hiện nay, xu hướng cắt giảm ngân sách của công tác thăm dò và khai thác dầu khí sẽ kéo dài trong khoảng hơn một năm và nền kinh tế sẽ phục hồi dần vào quý II năm 2009. Theo đó, mức cắt giảm ngân sách so với năm 2008 sẽ tập trung mạnh nhất ở Mỹ, giảm 26% còn 79 tỷ USD, ở Canada giảm 23% còn 22 tỷ USD. Tuy nhiên, tại các khu vực khác trên thế giới, mức cắt giảm đầu tư cho thăm dò và khai thác dầu khí diễn ra không quá nghiêm trọng, chỉ vào khoảng 6% xuống còn 300 tỷ USD so với năm 2008, sau 9 năm liên tục tăng trưởng. Nguyên do là các dự án tại đây diễn ra trong thời gian dài và có sự tham gia của các công ty dầu khí lớn, đa quốc gia và của cả các công ty dầu khí quốc gia trong từng khu vực. Sự cắt giảm này sẽ dẫn đến nhu cầu về năng lượng gia tăng và giá dầu sẽ dần phục hồi vào cuối năm 2009 với việc các công ty dầu khí dự kiến sẽ có kế hoạch khoan trở lại để đón đầu giá dầu ổn định vào năm 2010.

Nhận định thị trường Việt Nam

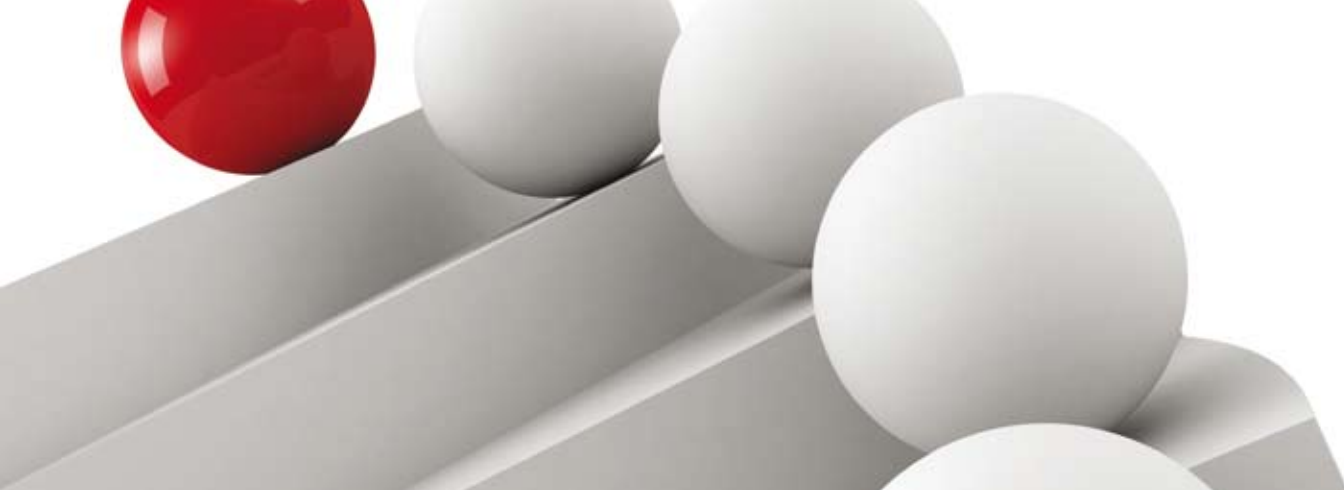
ODS-Petro Data dự báo nhu cầu giàn khoan tự nâng của Việt Nam năm 2009 sẽ vào khoảng 8 chiếc cho các chiến dịch khoan đã được lên kế hoạch từ nửa đầu năm 2008 trở về trước (tổng cộng khoảng 44 giếng và bắt đầu trong năm 2009). Như vậy thị trường trong nước sẽ không tăng trưởng nhiều trong năm 2009.

Trước tình hình cắt giảm ngân sách cho các hoạt động thăm dò và khai thác kéo theo sự sụt giảm của thị trường dịch vụ dầu khí như đã phân tích trên đây, Tổng Công ty PV Drilling cũng đang phải đối mặt với một sự thu hẹp tương đối thị trường dịch vụ của mình. Hiện tại, đang có khoảng 7 giàn tự nâng (jack-up) và 2 giàn nửa chìm (semisubmersible) đang hoạt động ngoài khơi Việt Nam.

Thách thức của PV Drilling

Từ những nhận định thị trường trên đây, có thể nói một trong những thách thức của Tổng Công ty PV Drilling trong năm 2009 là việc tìm kiếm các cơ hội để mở rộng khách hàng và ký kết các hợp đồng mới sẽ khó khăn hơn.

Đồng thời, PV Drilling cần phải chuẩn bị tăng cường nội lực để sẵn sàng nắm bắt những cơ hội to lớn khi thị trường bước vào giai đoạn phục hồi, khi mà tốc độ tăng trưởng của thị trường dịch vụ thậm chí sẽ tăng nhanh hơn cả thời gian trước suy thoái.



ĐẶT TRỌNG TÂM VÀO KHÁCH HÀNG TRUYỀN THỐNG VÀ KHÁCH HÀNG MỤC TIÊU

Đối với dịch vụ khoan, Tổng Công ty PV Drilling vẫn đặt trọng tâm vào những khách hàng truyền thống và có ý nghĩa đối với sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. Đó là các khách hàng lớn có tiềm lực mạnh và có chiến dịch khoan lâu dài như JVPC, Hoàng Long/Hoàn Vũ JOC, Cửu Long JOC, Thăng Long JOC, Petronas, Vietgazprom, PVEP, Vietsovpetro v.v.... Việc phát triển và thắt chặt mối quan hệ với các khách hàng này sẽ tăng cường khả năng cung cấp thêm nhiều dịch vụ của Tổng Công ty hơn nữa. Ngoài ra, Tổng Công ty PV Drilling cũng chú trọng thiết lập quan hệ với các khách hàng tiềm năng là các công ty dầu khí đang đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thăm dò tại Việt Nam như Phú Quý POC, Bạch Đằng POC, Premier Oil, Chevron, Santos và các khách hàng có nhu cầu được cung cấp dịch vụ khoan ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Đối với dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ dầu khí khác, ngoài việc có chung nhóm khách hàng mục tiêu với dịch vụ khoan, Tổng Công ty còn nhắm đến nhóm khách hàng là các nhà thầu khoan và công ty hoạt động từ khâu thượng nguồn (upstream) đến khâu hạ nguồn (downstream).

Để chuẩn bị cho các bước phát triển lâu dài và mang tính chiến lược trong tương lai, đồng thời nâng cao vị thế của Tổng Công ty PV Drilling trên thị trường quốc tế, việc mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ ra thị trường ngoài nước cũng đang được Tổng Công ty quan tâm và chú trọng. Hướng ưu tiên sẽ là tận dụng các thị trường mới mà PetroVietnam đang có các hoạt động thăm dò tìm kiếm hoặc PetroVietnam đang triển khai tiếp cận. Mối quan hệ hợp tác giữa PetroVietnam với các đối tác tại những khu vực này cũng là một điều kiện thuận lợi cho Tổng Công ty PV Drilling để phát triển và đi đến việc thiết lập hợp tác kinh doanh. Tổng Công ty có thể sẽ tiếp cận các thị trường mới này bằng cách thành lập các liên doanh, liên kết với các đối tác tại thị trường bản địa để khai thác tiềm năng thị trường và khách hàng của các đối tác địa phương này.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG HOẠCH ĐỊNH CỦA PV DRILLING TRONG NĂM 2009

GIỚI THIỆU CÁC DỊCH VỤ MỚI – KỸ THUẬT CAO – TỶ SUẤT LỢI NHUẬN CAO

Một trong những hướng phát triển dịch vụ của PV Drilling là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao mang lại tỷ suất lợi nhuận cao. Theo đó, tiếp nối năm 2008, trong năm 2009, Tổng Công ty PV Drilling sẽ tiếp tục chú trọng cung cấp các dịch vụ mới như dịch vụ lấy mẫu dầu khí và bảo quản mẫu dầu khí, dịch vụ cung cấp chuyên gia dự đoán áp suất vỉa trong khi khoan (Geo-predict), dịch vụ truyền dữ liệu khoan realtime từ ngoài giàn khoan biển vào văn phòng điều hành khoan trong đất liền (Realtime Rig-Link), các dịch vụ mới trong gói dịch vụ Slickline, dịch vụ cung cấp nhân lực chuyên ngành trình độ cao, dịch vụ chế tạo cáp, container, kết cấu thép...

Việc mở rộng cung cấp các dịch vụ mới này sẽ giúp Tổng Công ty PV Drilling hướng tới việc cung cấp dịch vụ khoan trọn gói cho khách hàng (integrated drilling package). Ngoài ra, chủ trương này cũng mở rộng thị trường mục tiêu cho Tổng Công ty PV Drilling, tiến tới xâm nhập các dịch vụ chuyên ngành hẹp mà trước đây các nhà thầu nước ngoài chiếm ưu thế, qua đó góp phần gia tăng nội lực của ngành dầu khí Việt Nam, phù hợp với chiến lược phát triển dịch vụ dầu khí của PetroVietnam.

CHÚ TRỌNG TRIỂN KHAI CÔNG TÁC MARKETING TRONG NĂM 2009



Nhằm triển khai thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh đã đề ra, sau khi xác định khách hàng mục tiêu, PV Drilling sẽ chú trọng triển khai công tác Marketing trong năm 2009 với nội dung như sau

Để hiểu rõ và nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng

và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng từ sớm, Tổng Công ty PV Drilling sẽ xây dựng hệ thống thu thập, phân tích và chia sẻ thông tin khách hàng và thông tin thị trường tập trung trong toàn Tổng Công ty PV Drilling. Đồng thời, công tác phối hợp các hoạt động chăm sóc khách hàng giữa các đơn vị và Tổng Công ty phải được chú trọng hàng đầu. Đây là một trong các nhân tố quan trọng tăng tính hiệu quả của công tác chăm sóc khách hàng và xây dựng được một hình ảnh Tổng Công ty PV Drilling chuyên nghiệp.

Để nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ khách hàng

Tổng Công ty PV Drilling sẽ sắp xếp lại cách thức và tổ chức phục vụ khách hàng theo định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm tối đa hóa sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ và phương thức phục vụ. Cụ thể là để mang lại sự tiện lợi cho khách hàng trong việc giao dịch được nhanh chóng, chính xác và việc theo dõi hợp đồng hoặc đơn hàng được chặt chẽ hơn, các hoạt động giao dịch với từng khách hàng sẽ được tập trung về một đầu mối duy nhất.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG HOẠCH ĐỊNH CỦA PV DRILLING TRONG NĂM 2009

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

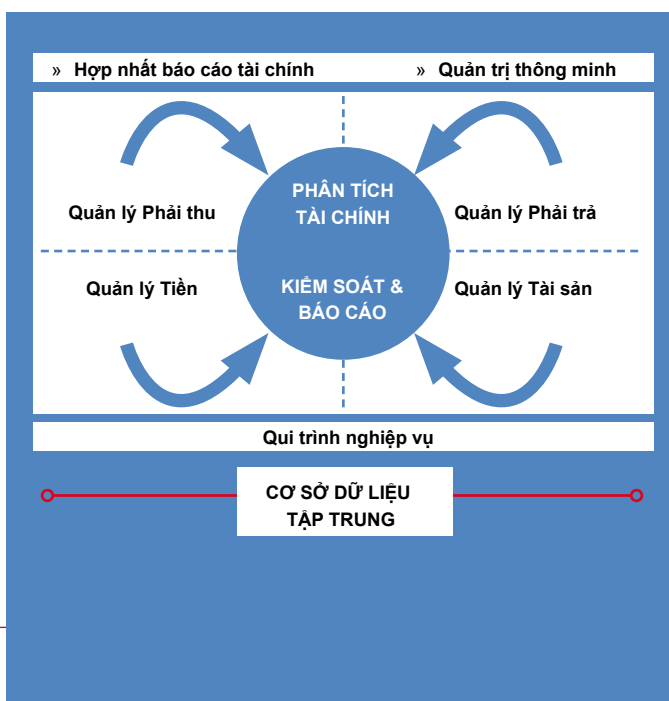
Là một trong các blue-chips hàng đầu trên Sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, Tổng Công ty PV Drilling đã, đang và sẽ tiếp tục coi trọng và tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp nhằm mang hiệu quả cao nhất cho hoạt động kinh doanh cũng như gia tăng nhiều hơn nữa giá trị cho các nhà đầu tư – các cổ đông của Tổng Công ty PV Drilling.

Công tác ứng dụng Công nghệ thông tin – từng bước phát triển và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp

Trải qua năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling đã đánh dấu mốc sự kiện quan trọng đầu tiên trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) bằng sự kiện chính thức đưa vào vận hành hệ thống quản lý Tài chính – Kế toán của ERP Oracle E-business suite 11 – Giai đoạn 1 tại Tổng Công ty.

Hệ thống ứng dụng đã mang lại những hiệu quả trong công tác quản lý Tài chính – Kế toán:

- » Chuyên môn hoá sâu công tác kế toán và tài chính và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ kế toán – tài chính của Tổng Công ty.
- » Triển khai công tác kế toán quản trị toàn Tổng Công ty, phục vụ việc ra quyết định điều hành của Ban lãnh đạo.
- » Cung cấp công cụ thực hiện hợp nhất báo cáo toàn Tổng Công ty một cách chính xác và kịp thời theo quy định.
- » Tuân thủ các quy định về chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tạo nền tảng cho việc tuân thủ thực hiện chế độ kế toán quốc tế (IFRS) khi PV Drilling tiến hành IPO ra nước ngoài.





Bên cạnh đó, Xí nghiệp Điều hành khoan của PV Drilling cũng đã đưa vào vận hành thành công hệ thống chương trình ứng dụng Quản lý Vật tư, Tài sản và Bảo trì (Computerized Maintenance Management System) MAXIMO trong năm 2008 với các chức năng chính như: quản lý vật tư, thiết bị, lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, nâng cao tính kiểm soát về vật tư, phụ tùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của giàn khoan.

Tiếp tục phát huy từ các nền tảng chương trình ứng dụng đã vận hành trong năm 2008, năm 2009 PV Drilling sẽ thực hiện triển khai Dự mở rộng các phân hệ của hệ thống ERP Oracle EBS 11i (Dự án ERP Oracle – Giai đoạn 2): phân hệ quản lý mua hàng, phân hệ quản lý dự án/hợp đồng và phân hệ quản lý nhân sự và kết nối MAXIMO. Song hành với việc phát triển các dự án phần mềm, PV Drilling chú trọng đến việc xây dựng mới hạ tầng CNTT, hoàn thiện hệ thống mạng diện rộng (WAN) kết nối toàn bộ các đơn vị trong PV Drilling và hệ thống thông tin liên lạc kết nối qua vệ tinh với Giàn khoan PV DRILLING I.

Với những mục tiêu phát triển CNTT trong năm 2009, và cùng với sự hỗ trợ cam kết mạnh mẽ của Ban Lãnh đạo PV Drilling là xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance), trong đó việc đẩy mạnh áp dụng CNTT vào quản trị doanh nghiệp là một hướng đi đúng đắn sẽ giúp PV Drilling gia tăng hiệu quả quản lý, nâng cao khả năng cạnh tranh, minh bạch thông tin và thu hẹp khoảng cách với các Tập đoàn cùng ngành nghề trên thế giới.

Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp thông qua xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp.

- » Xây dựng hệ thống kế toán quản trị, phân tích tài chính hỗ trợ cho quyết định điều hành của Ban Lãnh đạo.
- » Tăng cường công tác kiểm toán nội bộ nhằm cung cấp thông tin tài chính minh bạch, rõ ràng và chuẩn xác.
- » Thực hiện các công cụ tài chính phòng chống rủi ro tiền tệ: tỷ giá, lãi suất.... nhằm ổn định hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Hiện tại, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam và toàn cầu vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, nhà đầu tư đang giảm niềm tin vào thị trường, nên thị giá cổ phiếu của các công ty niêm yết bị suy giảm. Vì vậy, PV Drilling sẽ tận dụng năm 2009 để chuẩn bị cho việc niêm yết cổ phiếu (IPO) ra thị trường nước ngoài vào thời điểm thị trường tài chính hồi phục nhằm đảm bảo giá trị cổ phiếu PVD.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2009



Năm 2009 được dự báo sẽ là một năm tiếp tục với khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Drilling tuy vẫn tiếp tục tăng trưởng về chỉ tiêu định lượng nhưng sẽ không tăng trưởng về chỉ số tài chính do doanh thu cho thuê giàn sẽ bị giảm vì tác động của giá dầu ảnh hưởng trực tiếp đến các khách hàng của PV Drilling. Theo đó, khi giá dầu thô được ước tính trong khoảng 50 USD/thùng thì kế hoạch năm 2009 của PV Drilling dự kiến như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD)

Doanh thu: 3.500 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 770 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 700 tỷ đồng

Kế hoạch đầu tư: 4.442 tỷ đồng

Đầu tư giàn khoan PV DRILLING II và III:

3.774 tỷ đồng (giai đoạn giải ngân)

Đầu tư các thiết bị dịch vụ dầu khí: 369 tỷ đồng

Đầu tư khác: 299 tỷ đồng

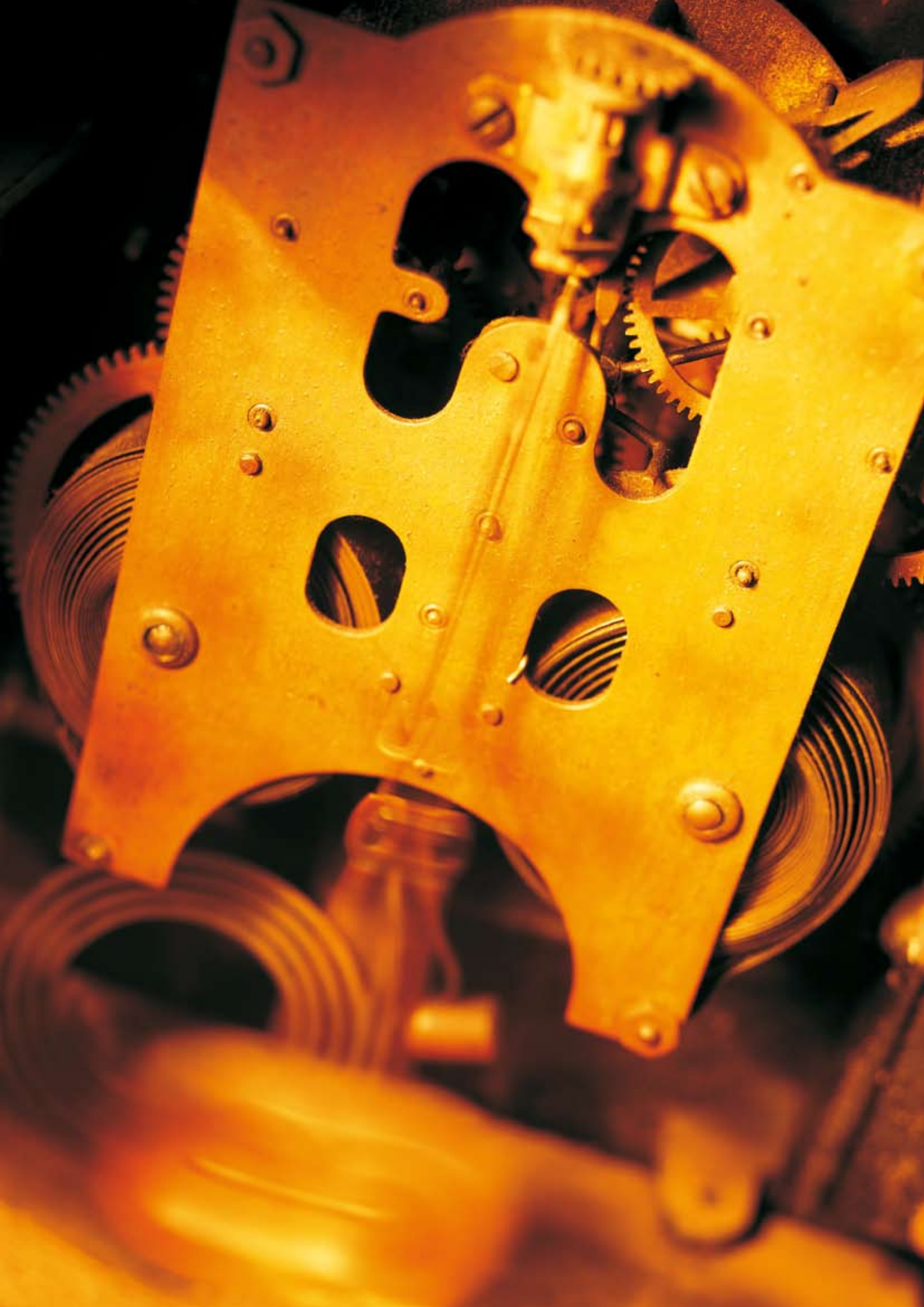
Tuy nhiên, khi tình hình kinh tế toàn cầu dần ổn định, trong đó nếu giá dầu ước tính trong khoảng 70 USD/thùng thì PV Drilling sẽ phấn đấu đạt kế hoạch như sau:

Doanh thu: 4.000 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 884 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 800 tỷ đồng

Với nhiều lợi thế về cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm cộng với lợi thế là thành viên của PetroVietnam nên được PetroVietnam hỗ trợ nhiều trong công tác SXKD, Tổng Công ty PV Drilling tin tưởng sẽ hoàn thành kế hoạch năm 2009 của mình.





NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỂ PV DRILLING VỮNG MẠNH TRONG NỀN KINH TẾ DỰ ĐOÁN KHÓ KHĂN NĂM 2009

Năm 2008 do sự suy thoái kinh tế toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng đã gánh chịu những ảnh hưởng không nhỏ, gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp. Theo các chuyên gia kinh tế dự báo, trong năm 2009, kinh tế Việt Nam sẽ khó có thể tăng trưởng cao khi các nguồn vốn trong và ngoài nước không dồi dào và chịu ảnh hưởng của suy giảm kinh tế thế giới. Cụ thể, năm 2009 Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn hơn: Nguy cơ thất nghiệp gia tăng, sức mua của người tiêu dùng giảm mạnh, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn và kim ngạch xuất nhập khẩu được dự báo là có thể giảm mạnh.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan dầu khí như PV Drilling, một mặt phải chịu ảnh hưởng xấu từ những khó khăn chung của nền kinh tế trong nước và thế giới, mặt khác phải chịu tác động gián tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh do giá dầu thô giảm mạnh và điều này phần nào làm giảm nhu cầu về giàn khoan và các dịch vụ kỹ thuật giếng khoan khác. Nếu như trong năm 2008, giá dầu bình quân của PetroVietnam đạt khoảng 102 USD/thùng, thậm chí có lúc giá dầu đã tăng lên đến hơn 147 USD/thùng thì theo dự báo, năm 2009, giá dầu thô trung bình trên thế giới sẽ giảm mạnh về mức khoảng 60 USD/thùng. Riêng khu vực Đông Nam Á- thị trường chủ yếu của PV Drilling - số lượng các dự án bị hoãn được dự báo sẽ không nhiều do phần lớn các dự án tại đây đã triển khai từ khi giá dầu còn thấp.

Đứng trước những khó khăn nêu trên và với mục tiêu ổn định sản xuất kinh doanh trong năm 2009 chuẩn bị cho sự phát triển mạnh mẽ từ năm 2010, PV Drilling đề ra các nhóm giải pháp sau:

Về hiệu quả hoạt động của giàn PV DRILLING I: Tiếp tục duy trì việc tối đa hóa hiệu suất hoạt động giàn PV DRILLING I, tối ưu qui trình bảo dưỡng để rút ngắn thời gian bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hàng năm,... nhằm tăng doanh thu và giảm chi phí. Kết quả kinh doanh năm 2008 cho thấy, giàn khoan PV DRILLING I đóng góp chưa tới 40% tổng doanh thu nhưng lợi nhuận từ giàn khoan này mang lại chiếm tới khoảng 80% tổng lợi nhuận của PV Drilling. Có được kết quả này là do trong năm 2008, hiệu suất hoạt động giàn đã tăng từ 86% lên tới 99,6%. Vì vậy, trong năm 2009, việc tối đa hóa hiệu suất hoạt động giàn PV DRILLING I sẽ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc tăng doanh thu và giảm chi phí cho thuê giàn nói riêng và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của PV Drilling nói chung.

Về loại hình dịch vụ: Ngoài các dịch vụ truyền thống như dịch vụ khoan, dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ ứng cứu sự cố tràn dầu, PV Drilling cần tập trung vào các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao do PV Drilling tự cung cấp, mang lại lợi nhuận và hiệu quả cao. Từ khi thành lập đến nay, PV Drilling luôn chú trọng việc gia tăng tỷ lệ tự thực hiện trong các dịch vụ hợp tác với đối tác nước ngoài cung cấp tại Việt Nam thông qua việc đầu tư các trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu thị trường kết hợp với việc tuyển chọn và đào tạo đội ngũ nhân sự để

thực hiện dịch vụ và thực tế đã chứng minh chính sách nói trên là hoàn toàn đúng đắn. Một ví dụ thành công điển hình của giải pháp này là Công ty PVD Logging với việc chú trọng phát triển các dịch vụ Mud Logging, Slickline, Geologist trong năm 2008, theo đó doanh thu từ các dịch vụ này chiếm chưa tới 20% doanh thu của PVD Logging nhưng lợi nhuận chiếm tới gần 50% lợi nhuận của PVD Logging.

Về thị trường: Bên cạnh thị trường trong nước, PV Drilling sẽ mở rộng cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trước mắt tham gia vào các dự án PetroVietnam đang triển khai ở Iraq, Venezuela,.... Việc mở rộng dịch vụ ra nước ngoài nằm trong chiến lược phát triển dài hạn của PV Drilling trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế thế giới và Việt Nam đã gia nhập WTO. Giải pháp này cũng nhằm tận dụng tối đa lợi thế của đơn vị thành viên của PetroVietnam trong việc tham gia vào các dự án mà Tập đoàn triển khai tại các nước có truyền thống quan hệ tốt đẹp với Việt Nam như Venezuela, Iraq.

Về tài chính: Năm 2008 đã cho thấy thị trường tài chính có thể xảy ra những biến động khó lường nên PV Drilling cần quản lý và điều hành tốt các nguồn lực tài chính như dòng tiền, triển khai các giải pháp tài chính và tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động kinh doanh, thắt chặt chi tiêu,... nhằm giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận.

Về công nghệ thông tin: Tiếp nối thành công của việc triển khai hệ thống ERP giai đoạn I, trong năm 2009, PV Drilling sẽ tiếp tục triển khai hệ thống ERP giai đoạn II mở rộng sang lĩnh vực khác như Quản lý dự án, Nhân sự, Mua sắm. Ngoài ra, PV Drilling sẽ tiếp tục phát huy việc ứng dụng thành công hệ thống phần mềm quản lý vật tư MAXIMO và các hệ thống ứng dụng phục vụ chuyên ngành dầu khí khác nhằm quản lý tối ưu vật tư, giảm thiểu chi phí lưu động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về nhân sự: Tăng cường nội lực bằng các biện pháp xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể nhằm phát triển và nâng cao chất lượng cán bộ quản lý, lực lượng lao động trực tiếp tiến tới thay thế dần các chức danh người nước ngoài; củng cố năng lực kinh doanh độc lập, không lệ thuộc nhà thầu nước ngoài trong các dịch vụ khoan kỹ thuật cao. Giải pháp này kết hợp với hai giải pháp vừa nêu sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc định vị thương hiệu PV Drilling là doanh nghiệp chuyên cung cấp các dịch vụ khoan kỹ thuật cao, tỷ suất lợi nhuận cao, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững, lâu dài của PV Drilling.

Về đầu tư xây dựng cơ bản: Tiến hành rà soát, xem xét, đánh giá lại toàn bộ các dự án đầu tư trong kế hoạch được duyệt, theo đó:

+ **Đối với các dự án đang thực hiện:** làm tốt công tác hỗ trợ Công ty PVD Invest quản lý việc đóng mới giàn PV DRILLING II, PV DRILLING III đúng tiến độ, an toàn, chất lượng, tránh thất thoát, lãng phí và đặc biệt không vượt tổng dự toán đã được phê duyệt và tiếp tục thực hiện các dự án khác đang dở dang để đưa vào hoạt động kinh doanh theo đúng tiến độ đề ra, tận dụng thời điểm khi các chi phí đầu vào của các dự án đầu tư đang ở mức thấp như hiện nay.

+ **Đối với các dự án chưa thực hiện:** ưu tiên thực hiện các dự án quan trọng, có hiệu quả kinh tế cao, loại bỏ các dự án không còn hiệu quả.

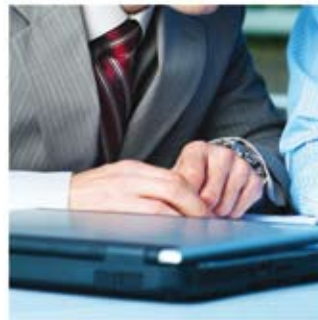
Tuy nhiên, sau suy giảm sẽ là giai đoạn hồi phục rất nhanh và mạnh mẽ, PV Drilling sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng và nắm bắt cơ hội này để có thể phát triển mạnh hơn nữa bằng các kế hoạch đầu tư dài hạn và có tính chiến lược.

Ngoài các giải pháp do PV Drilling có thể chủ động thực hiện như trên, với lợi thế là đơn vị thành viên của PetroVietnam, PV Drilling sẽ có được sự hỗ trợ từ Công ty Mẹ trong việc tham gia vào các chương trình khoan thăm dò và khai thác trong và ngoài nước của PetroVietnam.

Với các động thái tích cực của Chính phủ hiện nay để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trong giai đoạn suy thoái kinh tế, đặc biệt là đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, PV Drilling đã có một số kiến nghị với PetroVietnam để đề xuất với Chính phủ trong việc xây dựng các chính sách bảo hộ dịch vụ đặc biệt cho các doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề đặc thù mà trước đây chỉ do các công ty nước ngoài thực hiện.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Thỏa mãn nhu cầu thông tin cho các nhà đầu tư – các cổ đông luôn được **PV Drilling** quan tâm hàng đầu



Là một trong những blue-chips trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam nên PV Drilling đã và đang được các cổ đông và nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm. Trong năm 2008, PV Drilling đã nhận được nhiều yêu cầu tiếp xúc, gặp gỡ, trao đổi thông tin từ các nhà đầu tư - các cổ đông cũng như các Cơ quan báo chí và đã tổ chức gặp gỡ hàng trăm lượt nhà đầu tư tại Văn phòng Tổng Công ty. Thông qua các buổi gặp gỡ, PV Drilling đã đáp ứng được nhu cầu thông tin về hoạt động kinh doanh cũng như các chiến lược phát triển kinh doanh trong tương lai để nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam.

Cũng trong năm 2008, ngoài cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức hàng năm vào tháng 03/2008, Tổng Công ty PV Drilling cũng đã tổ chức một số cuộc họp khác với các cổ đông để chia sẻ thông tin, trao đổi và nhận ý kiến đóng góp từ cổ đông nhằm gia tăng hiệu quả trong hoạt động kinh doanh cũng như góp phần hoàn thiện bộ máy quản lý điều hành của PV Drilling:

Ngày 17/03/2008: gặp gỡ các cổ đông chính tại Khách sạn Sheraton, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh để cập nhật tình hình hoạt động và chiến lược phát triển kinh doanh của Tổng Công ty.



CN Công ty Cổ Phần Chứng khoán Thiên Việt (TVS)
 63 Võ Văn Tần Q3, Tp.HCM, VIỆT NAM
 Điện thoại: (84 4) 62992099
 Fax: (84 4) 62992091
 Website: www.tvss.vn
 Email: contact@tvss.vn

V/v: Cảm ơn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2008

Kính gửi: Ban Lãnh Đạo Tổng Công ty Cổ Phần Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí (PV Drilling)

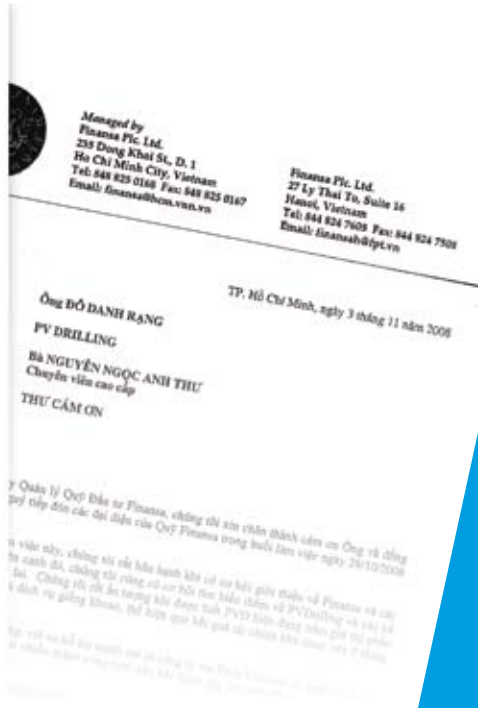
Thay mặt Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (TVS), tôi xin gửi đến Quý Công ty lời cảm ơn chân thành nhất.

Chúng tôi đánh giá cao nội dung buổi gặp gỡ chiều ngày 29/10/2008 vừa qua. Sự quan tâm của Quý Công ty đã giúp chúng tôi hiểu thêm về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển trong tương lai của PV Drilling.

Những thông tin Quý Công ty cung cấp rất hữu ích để chúng tôi đưa ra những nhận định đầu tư cho các khách hàng trong và ngoài nước của TVS. Chúng tôi mong muốn được thiết lập mối quan hệ bền vững với Quý Công ty nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác trong tương lai cho khách hàng tổ chức của TVS, và đồng thời giúp TVS thường xuyên cập nhật những thông tin mới về PV Drilling.

Trân trọng cảm ơn Quý Công ty đã dành thời gian tiếp đón chúng tôi.

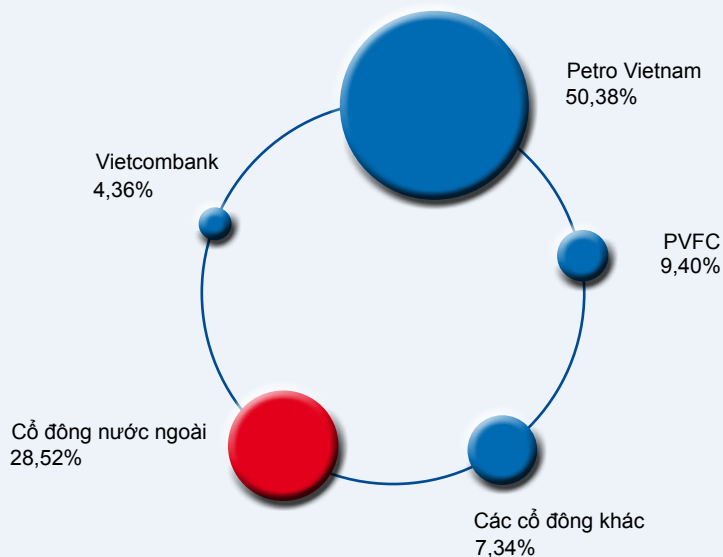
CN CTY CP Chứng khoán Thiên Việt tại Tp.HCM
 Giám đốc chi nhánh



Ngày 21/08/2008: tiếp xúc với các cổ đông chính và một số Quỹ đầu tư tại Khách sạn Legend, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh để trao đổi, thảo luận về chủ trương sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (PVD Invest) (trong đó PV Drilling chiếm giữ 51% vốn điều lệ) vào PV Drilling.

Ngày 09/11/2008: tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường tại Khách sạn Caravelle, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh để xin thông qua chủ trương sáp nhập PVD Invest vào PV Drilling và chuyển đổi cổ phiếu và vốn góp tại PVD Invest thành cổ phiếu PVD.

Với phương châm “thỏa mãn cao nhu cầu thông tin cho các cổ đông”, PV Drilling đã và đang được cổ đông đánh giá cao tinh thần hợp tác, minh bạch trong công tác công bố thông tin cũng như cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Có thể nói, công tác quan hệ cổ đông tại PV Drilling được quan tâm và thực hiện tốt, tạo niềm tin và hình ảnh đẹp về Tổng Công ty trong giới đầu tư trong và ngoài nước.



Chốt ngày 20/03/2009

QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

PV Drilling sẵn sàng chung vai
gánh vác khó khăn với
cộng đồng xã hội.



Bên cạnh nỗ lực đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh, trong năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling cũng tích cực, chủ động tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện - xã hội, quan tâm phát triển vì cộng đồng.

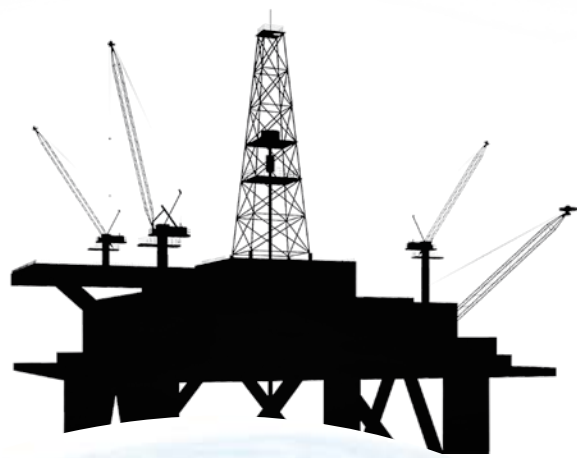
Năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling đã trao tặng 207 căn nhà Đại đoàn kết tại TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Hậu Giang và Cần Thơ. Cũng trong năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling đã tích cực tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo, Quỹ chăm sóc người cao tuổi, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt các tỉnh Lai Châu, Sơn La, ủng hộ Trung tâm chăm sóc trẻ khuyết tật Thiên Phước, ủng hộ bộ đội Trường Sa, Hội khuyến học...

Cùng với các hoạt động tương trợ cộng đồng, trong năm 2008, Tổng Công ty PV Drilling cũng tham gia tài trợ tổ chức đêm nhạc “Đẹp mãi màu xanh” nhằm ca ngợi vẻ đẹp trường tồn của màu áo lính, ôn lại truyền thống hào hùng của cha ông.

Tổng số tiền tài trợ cho công tác từ thiện - xã hội, quan hệ cộng đồng của Tổng Công ty trong năm 2008 là 3,7 tỷ đồng.

Với sự nhiệt tình tham gia công tác từ thiện xã hội cũng như quan tâm đến sự phát triển của cộng đồng nêu trên, Tổng Công ty PV Drilling được ghi nhận là đơn vị có nhiều hoạt động thiết thực và kịp thời hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với xã hội. Đây là nghĩa cử cao đẹp, thể hiện nét đẹp văn hóa của Tổng Công ty PV Drilling trong việc gìn giữ truyền thống tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam nói chung và của Tổng Công ty nói riêng.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Tổng Công ty và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Đình Luyện	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên
Ông Đàm Hải Giang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tờng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lương Trọng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2009

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Số: 160/Deloitte_AUDHCM_RE

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2008 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc, kiêm Phó Giám đốc
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
 Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
 Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
 Ngày 20 tháng 3 năm 2009
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Đình Tứ
Kiểm toán viên
 Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.065.294.939.509	1.659.412.238.630
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	687.790.226.960	521.940.969.552
1. Tiền	111		195.122.511.791	216.560.814.654
2. Các khoản tương đương tiền	112		492.667.715.169	305.380.154.898
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		120.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	120.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.056.945.202.837	1.040.549.863.371
1. Phải thu khách hàng	131		1.043.280.603.366	711.618.493.896
2. Trả trước cho người bán	132		10.594.443.966	317.890.490.581
3. Các khoản phải thu khác	135		9.992.206.019	13.751.462.835
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.922.050.514)	(2.710.583.941)
IV. Hàng tồn kho	140	6	174.461.359.251	45.689.923.892
1. Hàng tồn kho	141		176.136.789.143	45.689.923.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.675.429.892)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.098.150.461	51.231.481.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.304.253.492	44.538.100.047
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.296.448.738	1.880.930.495
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.131.403.825	1.131.403.825
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.366.044.406	3.681.047.448
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.567.567.785.523	2.670.501.884.786
I. Tài sản cố định	220		6.272.698.419.123	2.534.750.434.064
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.012.619.597.868	2.086.943.238.148
- Nguyên giá	222		2.411.225.758.222	2.305.943.197.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(398.606.160.354)	(218.999.959.651)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	146.890.993.792	26.876.863.689
- Nguyên giá	228		152.853.500.592	29.594.443.669
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.962.506.800)	(2.717.579.980)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	4.113.187.827.463	420.930.332.227
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		245.120.496.730	77.522.144.578
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	11	74.976.402.570	18.983.644.578
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	172.694.670.160	58.538.500.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(2.550.576.000)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		46.320.363.334	54.372.236.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.251.152.491	42.585.140.763
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	10.789.332.833	50.925.160
3. Tài sản dài hạn khác	268		17.279.878.010	11.736.170.221
IV. Lợi thế thương mại	270	10	3.428.506.336	3.857.070.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		8.632.862.725.032	4.329.914.123.416

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.008.458.297.364	1.968.627.891.788
I. Nợ ngắn hạn	310		3.892.009.691.143	672.053.506.293
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.983.809.569.154	109.174.332.022
2. Phải trả người bán	312		1.027.989.526.309	289.795.227.982
3. Người mua trả tiền trước	313		263.742.121.539	8.757.884.541
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	52.764.831.015	28.473.913.608
5. Phải trả người lao động	315		29.827.800.836	11.853.166.660
6. Chi phí phải trả	316		232.344.501.167	163.535.827.594
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		301.531.341.123	60.463.153.886
II. Nợ dài hạn	330		2.116.448.606.221	1.296.574.385.495
1. Phải trả dài hạn khác	333		212.198.276.591	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	16	1.878.918.456.000	1.294.047.113.324
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		25.331.873.630	2.527.272.171
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	17	2.133.443.696.017	1.864.223.187.039
I. Vốn cổ đông	410		2.113.823.567.404	1.830.445.769.483
1. Vốn điều lệ	411		1.321.675.040.000	1.101.397.300.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.153.600.000	201.153.600.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.974.444.429	9.872.495.037
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		149.576.096.366	58.751.471.235
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		79.911.387.199	34.554.623.567
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		355.532.999.410	424.716.279.644
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		19.620.128.613	33.777.417.556
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		19.620.128.613	33.777.417.556
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	18	490.960.731.651	497.063.044.589
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		8.632.862.725.032	4.329.914.123.416

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 01-DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng)
2. Ngoại tệ các loại
 - USD
 - EUR
 - GBP
 - DINARS

	31/12/2008	31/12/2007
	-	385.975.000
	-	-
	7.451.168	1.974.709
	16.497	11.263
	560	560
	39.418.953	7.108.546



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2009

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đ.Đ.Đ.'.

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2008	2007
1. Doanh thu gộp	01	19	3.728.745.990.771	2.738.605.347.000
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		3.728.745.990.771	2.738.605.347.000
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(2.520.350.855.424)	(2.031.930.050.000)
5. Lợi nhuận gộp	20		1.208.395.135.347	706.675.297.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	134.722.761.616	31.935.296.000
7. Chi phí tài chính	22	22	(229.046.603.811)	(85.302.968.000)
8. Chi phí bán hàng	24		(2.569.526.528)	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(233.633.166.666)	(111.023.714.000)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		877.868.599.958	542.283.911.000
11. Thu nhập khác	31		18.547.726.680	6.897.459.000
12. Chi phí khác	32		(21.783.874.626)	(1.804.342.000)
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		(3.236.147.946)	5.093.117.000
14. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	11	54.115.856.630	32.498.277.000
15. Lợi nhuận trước thuế	60		928.748.308.642	579.875.305.000
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	23	(6.410.872.603)	(3.541.205.000)
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	13	10.738.407.833	50.925.000
18. Lợi nhuận sau thuế	70		933.075.843.872	576.385.025.000
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		18	10.817.239.081	4.483.860.207
- Cổ đông của Tổng Công ty		17	922.258.604.791	571.901.164.793
19. Lãi trên cổ phiếu	80	24	7.431	6.192



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2009

Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2008	2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	928.748.308.642	579.875.305.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	184.828.166.672	145.302.469.000
Các khoản dự phòng	03	8.437.472.465	2.138.564.000
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	71.131.901.609	(177.371.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(127.655.819.245)	(55.963.145.000)
Chi phí lãi vay	06	78.731.366.518	76.857.114.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	1.144.221.396.661	748.032.936.000
Tăng các khoản phải thu	09	(19.239.343.144)	(301.745.567.000)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(130.446.865.251)	18.904.742.000
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	951.605.571.545	(110.504.531.000)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	53.567.834.827	(56.692.609.000)
Tiền lãi vay đã trả	13	(83.494.260.164)	(66.784.762.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.838.107.729)	(15.961.613.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(121.204.945.459)	(35.915.065.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.787.171.281.286	179.333.531.000
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.424.336.178.517)	(1.495.497.086.000)
2. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(288.334.569.325)	(72.196.579.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	122.775.262.896	43.329.741.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.589.895.484.946)	(1.524.363.924.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	7.817.040.913	1.017.353.600.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.832.685.796.353	972.345.972.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(504.049.558.528)	(275.321.404.000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(367.521.865.001)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.968.931.413.737	1.714.378.168.000
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	166.207.210.077	369.347.775.000
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	521.940.969.552	152.593.194.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(357.952.669)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	687.790.226.960	521.940.969.552

Các ghi chú kèm theo từ trang 10 đến trang 30 là một bộ phận hợp báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MẪU B 03-DN/HN

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 498.735.992.806 đồng (2007: 296.019.592 đồng) giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm số tiền 166.767.247.229 đồng (2007: 0 đồng) là số cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Trong năm 2008, Tổng Công ty đã công bố chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông với số tiền là 220.277.740.000 đồng. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển nên không được thể hiện trong báo cáo trên.



Đỗ Văn Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2009

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và sáu công ty con cùng ba công ty liên doanh, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh ngày 18 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là “Petro Việt Nam”).

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 50,38% vốn điều lệ của Công ty mẹ, các cổ đông khác nắm giữ 49,62% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại tầng 2, số 12, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Invest”), trước đây tên là Công ty Đầu tư Khoan Thái Bình Dương, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006510 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 24 tháng 4 năm 2007, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Invest tại số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “PVD Offshore”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 29 tháng 6 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore tại số 8, đường Hoàng Diệu, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Well Services”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Well Services tại số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan (sau đây gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Logging tại số 37, đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí (sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001532 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 8 năm 2007. Trụ sở đăng ký của PVD Tech tại số 21, đường Nguyễn Trung Ngạn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cừu Long, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của các công ty con được trình bày cụ thể tại Ghi chú số 10, phần Ghi chú báo cáo tài chính hợp nhất.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG (Tiếp theo)

Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ-PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là “PVD-PTI”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 7 tháng 10 năm 2008. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên doanh là cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan và các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Tổng Công ty và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (xem chi tiết dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Các khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Các khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh nghiệp vụ mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận mà Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược về hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc Tổng Công ty đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty về lợi thế thương mại từ việc mua công ty con.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện phần phụ trội giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc công ty liên doanh tại ngày đầu tư. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản vô hình và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua công ty con và công ty liên doanh được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại được hạch toán vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2008 năm	2007 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6-10	6-10
Máy móc và thiết bị	5-8	5-8
Thiết bị khác	3-4	4-6
Phương tiện vận tải	5-7	5-10
Giàn khoan	10-15	7-12

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2008, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định thay đổi thời gian khấu hao áp dụng cho các giàn khoan lần lượt là từ 7 năm lên 10 năm đối với giàn khoan đất liền và từ 12 năm lên 15 năm đối với giàn khoan biển.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Khoản tiền thuê thu từ các hợp đồng cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản phải thu theo giá trị thuần theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng không thời hạn lô đất có diện tích 1.322,8 m² tọa lạc tại số 143 đường Trần Nỗ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty không khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc xác định giá trị doanh nghiệp của Tổng Công ty khi cổ phần hóa. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận từ ngày giao dịch và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỉ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan của PVD Invest, một công ty con của Tổng Công ty, được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong phần “Vốn chủ sở hữu”. Khi các dự án xây dựng giàn khoan hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh lũy kế được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh còn chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ trong 5 năm.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Các Chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.325.160.265	997.324.244
Tiền gửi ngân hàng	193.785.462.026	214.599.438.188
Tiền đang chuyển	11.889.500	964.052.120
Các khoản tương đương tiền	492.667.715.169	305.380.155.000
	687.790.226.960	521.940.969.552

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn ít hơn hoặc bằng một năm.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	7.333.502.107	6.989.274.000
Nguyên liệu, vật liệu	70.763.705.102	21.127.565.000
Công cụ, dụng cụ	1.594.368.301	9.122.179.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.594.244.636	8.173.423.892
Hàng hoá	2.023.885.718	277.482.000
Hàng gửi đi bán	827.083.279	-
	176.136.789.143	45.689.923.892
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.675.429.892)	-
	174.461.359.251	45.689.923.892

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng Vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2008	21.687.230.934	166.212.381.965	18.010.855.938	18.310.870.999	2.081.721.857.963	2.305.943.197.799
Tăng trong năm	857.934.873	67.140.027.890	7.636.473.153	2.404.345.436	15.083.776.824	93.122.558.176
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.026.605.067	-	-	-	-	14.026.605.067
Tăng khác	849.310.532	-	370.977.966	6.073.932	-	1.226.362.430
Thanh lý	(297.532.856)	(276.050.565)	(859.360.815)	(568.926.886)	-	(2.001.871.122)
Giảm khác	-	(720.116.662)	(78.832.421)	(292.145.045)	-	(1.091.094.128)
Tại ngày 31/12/2008	37.123.548.550	232.356.242.628	25.080.113.821	19.860.218.436	2.096.805.634.787	2.411.225.758.222
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2008	3.357.289.084	73.414.068.600	7.934.451.603	8.283.348.013	126.010.802.351	218.999.959.651
Khấu hao trong năm	5.031.294.683	21.127.928.172	3.713.765.505	2.046.278.082	149.658.417.854	181.577.684.296
Thanh lý	(258.411.224)	(276.050.565)	(795.874.465)	(568.926.886)	-	(1.899.263.140)
Giảm khác	-	(72.220.453)	-	-	-	(72.220.453)
Tại ngày 31/12/2008	8.130.172.543	94.193.725.754	10.852.342.643	9.760.699.209	275.669.220.205	398.606.160.354
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2008	28.993.376.007	138.162.516.874	14.227.771.178	10.099.519.227	1.821.136.414.582	2.012.619.597.868
Tại ngày 31/12/2007	18.329.941.850	92.798.313.365	10.376.419.396	9.727.507.925	1.955.711.055.612	2.086.943.238.148

Như đã trình bày tại Ghi chú số 3, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định thay đổi mức khấu hao áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2008 cho các giàn khoan, cụ thể là tăng thời gian khấu hao từ 7 năm lên 10 năm đối với giàn khoan đất liền và từ 12 năm lên 15 năm đối với giàn khoan biển. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh một cách chính xác hơn tình hình hoạt động của doanh nghiệp cũng như hiệu suất sử dụng của các giàn khoan. Nếu mức khấu hao cũ vẫn tiếp tục được áp dụng, chi phí khấu hao cho các giàn khoan này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 sẽ tăng 46 tỉ đồng và lợi nhuận của năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm một khoản tương ứng.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2008	-	29.594.443.669	29.594.443.669
Tăng trong năm	109.833.329.400	13.436.315.800	123.269.645.200
Tăng khác	-	9.411.723	9.411.723
Giảm khác	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Tại ngày 31/12/2008	109.833.329.400	43.020.171.192	152.853.500.592
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2008	-	2.717.579.980	2.717.579.980
Khấu hao trong năm	-	3.250.482.376	3.250.482.376
Giảm khác	-	(5.555.556)	(5.555.556)
Tại ngày 31/12/2008	-	5.962.506.800	5.962.506.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2008	109.833.329.400	37.057.664.392	146.890.993.792
Tại ngày 31/12/2007	-	26.876.863.689	26.876.863.689

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Dự án giàn khoan biển II	1.400.442.580.427	404.389.840.014
Dự án giàn khoan biển III	2.689.476.352.614	-
Các công trình xây dựng cơ bản khác	23.268.894.422	16.540.492.213
	4.113.187.827.463	420.930.332.227

Trong năm, Tổng Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với số tiền 68.132.958.892 đồng (năm 2007: 21.532.510.000 đồng). Đây là các chi phí liên quan đến các khoản vay sử dụng cho việc xây dựng các giàn khoan của Tổng Công ty.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký		Vốn điều lệ đã góp		Tỉ lệ sở hữu %
	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ	
PVD Invest	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	510.000.000.000	510.000.000.000	51
PVD Offshore	80.000.000.000	80.000.000.000	57.640.139.096	53.942.337.123	100
PVD Well Services	50.000.000.000	50.000.000.000	804.342.798	804.342.798	100
PVD Logging	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	30.930.540.265	100
PVD Tech	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	100
PVD Training	22.334.500.000	11.755.000.000	15.962.691.000	6.970.091.000	51

Tổng Công ty có kế hoạch sáp nhập PVD Invest với Công ty mẹ. Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua kế hoạch sáp nhập. Việc sáp nhập dự kiến sẽ hoàn tất vào quý hai của năm 2009.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.970.091.000 đồng. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 4.285.636.640 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2008	4.285.636.640
Tại ngày 31/12/2008	4.285.636.640
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2008	428.566.640
Khấu hao trong năm	428.563.664
Tại ngày 31/12/2008	857.130.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2008	3.428.506.336
Tại ngày 31/12/2007	3.857.070.000

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên doanh nghiệp liên doanh	Vốn điều lệ	Vốn đã góp	Tỷ lệ sở hữu
	USD	VNĐ	%
BJ-PVD	1.000.000	7.880.670.000	49
PVD-PTI	4.000.000	34.238.560.029	51
PVD Tubulars	3.500.000	20.271.435.771	51

Quyền lợi của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh như sau:

	Giá gốc tại 31/12/2008 VNĐ	Lợi nhuận/(lỗ) trong năm 2008 VNĐ	Lợi nhuận nhận năm 2008 VNĐ	Tại ngày 31/12/2008 %
BJ-PVD	7.880.670.000	55.767.447.964	(41.530.119.860)	22.117.998.104
PVD-PTI	34.238.560.029	(1.651.591.334)	-	32.586.968.695
PVD Tubulars	20.271.435.771	-	-	20.271.435.771
	62.390.665.800	54.115.856.630	(41.530.119.860)	74.976.402.570

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Trái phiếu chính phủ	44.538.500.160	44.538.500.000
Chứng chỉ quỹ-Quỹ đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4)	4.738.170.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	95.418.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(2.550.576.000)	-
	170.144.094.160	58.538.500.000

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn thể hiện khoản dự phòng giảm giá của chứng chỉ quỹ niêm yết VFMVF4. Với các khoản đầu tư dài hạn còn lại, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng giá trị thị trường của các khoản đầu tư này cao hơn giá mua, do vậy, không cần thiết trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VNĐ	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đổi chưa thực hiện VNĐ	Tổng VNĐ
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	50.925.000	-	50.925.160
Tại ngày 31/12/2007	50.925.000	-	50.925.160
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	4.643.582.340	6.094.825.493	10.738.407.833
Tại ngày 31/12/2008	4.694.507.340	6.094.825.493	10.789.332.833

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Vay ngắn hạn	1.762.464.258.050	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 16)	221.345.311.104	109.174.332.022
	1.983.809.569.154	109.174.332.022

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
JP Morgan	408.296.850.000	-
DBS Bank Limited	471.111.750.000	-
BIDV	513.299.595.000	-
Vietcombank	55.681.563.050	-
ABN AMRO N.V. Bank ("ABN-AMRO")	314.074.500.000	-
	1.762.464.258.050	-

Vay ngắn hạn từ JPMorgan thể hiện khoản vay của PVD Invest với số tiền vay là 24.050.000 đô la Mỹ để thanh toán cho Nhà thầu Keppel Fels Limited. Khoản vay này đã được hoàn trả toàn bộ vào ngày 20 tháng 1 năm 2009. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất LIBOR ba tháng cộng lãi suất biên.

Khoản vay ngắn hạn từ DBS Bank Limited thể hiện khoản vay bắc cầu ngắn hạn của PVD Invest với hạn mức là 27.750.000 đô la Mỹ để thanh toán cho Nhà thầu Keppel Fels Limited. Khoản vay này đã được hoàn trả một phần với số tiền là 18.500.000 đô la Mỹ vào ngày 13 tháng 3 năm 2009, số dư còn lại được dự kiến sẽ được thanh toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2009. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên.

Khoản vay ngắn hạn từ BIDV thể hiện các khoản vay ngắn hạn của PVD Invest với số tiền 30.235.000 đô la Mỹ để tài trợ thanh toán cho Nhà thầu Keppel Fels Limited được bảo lãnh bởi Chứng thư bảo lãnh do Tổng Công ty cấp.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn từ Vietcombank thể hiện khoản vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động của PVD Tech. Khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bởi Tổng Công ty. Lãi suất được áp dụng cố định và khoản vay này đã được hoàn trả toàn bộ vào ngày 13 tháng 1 năm 2009.

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng ABN-AMRO thể hiện khoản vay ngắn hạn để bổ sung nguồn vốn lưu động của Tổng Công ty với tổng số tiền 18.500.000 đô la Mỹ. Khoản vay này chịu lãi suất cố định và đã được thanh toán toàn bộ vào ngày 24 tháng 2 năm 2009.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	33.198.049.613	16.377.812.202
Thuế nhập khẩu	1.543.772	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.225.298	3.059.460.424
Thuế thu nhập cá nhân	12.615.945.880	5.218.664.112
Thuế nhà thầu	5.317.066.452	3.720.646.426
Các loại thuế khác	-	97.330.444
	52.764.831.015	28.473.913.608

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay dài hạn	2.100.263.767.104	1.403.221.445.346
Vay dài hạn đến hạn trả (Ghi chú số 14)	(221.345.311.104)	(109.174.332.022)
	1.878.918.456.000	1.294.047.113.324

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Vietcombank	1.043.892.165.924	1.155.965.409.396
PVFC	213.134.775.525	247.256.035.950
BIDV	843.236.825.655	-
	2.100.263.767.104	1.403.221.445.346

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam với số tiền 80.237.605 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan tự nâng đa năng 90 mét. Thời hạn của khoản vay là 109,5 tháng (đã được điều chỉnh so với thời hạn ban đầu là 146,5 tháng) từ ngày rút vốn đầu tiên, bao gồm 25,5 tháng ân hạn. Khoản vay này được hoàn trả sáu tháng một lần trong 84 tháng tính từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay này được Petro Việt Nam, cổ đông chính của Tổng Công ty bảo lãnh, và chịu lãi suất lãi tiền vay bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay trong thời gian ân hạn được cộng dồn vào nợ gốc vay mỗi sáu tháng một lần.

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2006, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với PVFC, một bên liên quan, với hạn mức tín dụng là 18.599.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan đất liền. Thời hạn vay vốn là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 12 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với nguyên giá là 336.081.823.970 đồng và giá trị còn lại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 291.392.191.020 đồng (năm 2007: 307.940.129.192 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm bằng lãi suất SIBOR sáu tháng cộng lãi suất biên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 12 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2008.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với các bên là BIDV, PVFC và Eximbank với khoản tiền 155.000.000 đô la Mỹ để tài trợ cho dự án đóng mới giàn khoan II. Thời hạn vay vốn là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm 24 tháng ân hạn cho cả gốc và lãi. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ tiền vay với giá trị công trình lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.400.442.580.427 đồng (năm 2007: 404.389.840.014 đồng). Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng bằng đô la Mỹ được tính bình quân dựa trên tỷ lệ tài trợ của các tổ chức tín dụng đồng tài trợ cộng với lãi suất biên và lãi suất vay này không vượt quá một mức cố định đã được thống nhất giữa các bên. Lãi vay được thanh toán ba tháng một lần. Khoản vay này được hoàn trả thành 18 lần, sáu tháng một lần kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, số tiền Tổng Công ty chưa giải ngân từ khoản vay này là 107.059.000 đô la Mỹ.

Vào ngày 8 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay trị giá 115 triệu đô la Mỹ với ABN AMRO Bank N.V., Australia và New Zealand Banking Group Limited, The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited, Oversea-Chinese Banking Corporation Limited, First Commercial Bank, Far East National Bank và Land Bank of Taiwan để tài trợ cho việc thanh toán các khoản vay bắc cầu ngắn hạn và nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư mua sắm các giàn khoan PV Drilling III từ Nhà thầu Keppel Fels. Khoản vay này được bảo lãnh bởi PetroVietnam. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty chưa thực hiện giải ngân khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	221.345.311.104	109.174.332.022
Trong năm thứ hai	513.349.711.104	109.174.332.022
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.191.586.717.242	327.522.996.066
Sau năm năm	173.982.027.654	857.349.785.236
	2.100.263.767.104	1.403.221.445.346
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(221.345.311.104)	(109.174.332.022)
Số phải trả sau 12 tháng	1.878.918.456.000	1.294.047.113.324

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh của Tổng Công ty, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.321.675.040.000 đồng (2007: 1.101.397.300.000 đồng).

Chi tiết về mệnh giá cổ phiếu và số cổ phiếu của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VNĐ	VNĐ
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	132.167.504	110.139.730
Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	132.167.504	110.139.730
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	10.000	10.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Giá trị cổ phiếu do Petro Vietnam nắm giữ	665.856.000.000	554.880.000.000
Giá trị cổ phiếu do các cổ đông khác nắm giữ	655.819.040.000	546.517.300.000
	1.321.675.040.000	1.101.397.300.000

Thay đổi vốn cổ đông và các quỹ khác trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2007	680.000.000.000	-	86.230.063.353	5.805.723.856	11.611.447.710	-	7.944.352.478	791.591.587.397
Vốn góp	421.397.300.000	201.153.600.000	-	-	-	-	-	622.550.900.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	424.166.216.291	28.748.899.711	56.660.023.525	-	62.326.025.266	571.901.164.793
Tặng khác	-	-	-	-	-	9.872.495.037	-	9.872.495.037
Cổ tức đã trả	-	-	(85.680.000.000)	-	-	-	-	(85.680.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(9.520.000.000)	-	(36.492.960.188)	(46.012.960.188)
Tại ngày 31/12/2007	1.101.397.300.000	201.153.600.000	424.716.279.644	34.554.623.567	58.751.471.235	9.872.495.037	33.777.417.556	1.864.223.187.039
Cổ tức bằng cổ phiếu	220.277.740.000	-	(220.277.740.000)	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	-	-	-	-	-	(3.898.050.608)	-	(3.898.050.608)
Lợi nhuận trong năm	-	-	922.258.604.791	-	-	-	-	922.258.604.791
Cổ tức đã trả	-	-	(534.289.112.230)	-	-	-	-	(534.289.112.230)
Phân phối quỹ	-	-	(236.875.032.795)	45.356.763.632	90.824.625.131	-	100.693.644.032	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	(114.850.932.975)	(114.850.932.975)
Tại ngày 31/12/2008	1.321.675.040.000	201.153.600.000	355.532.999.410	79.911.387.199	149.576.096.366	5.974.444.429	19.620.128.613	2.133.443.696.017

Trong năm, cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 1.101.397.300.000 đồng lên 1.321.675.040.000 đồng bằng việc phát hành thêm 22.027.774 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Việc tăng vốn đã được chấp nhận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 cấp ngày 18 tháng 6 năm 2008.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi theo Điều lệ của Tổng Công ty từ lợi nhuận hợp nhất sau thuế của năm 2008. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm, Tổng Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 754.566.852.230 đồng, bao gồm cổ tức dưới hình thức cổ phiếu, bằng việc phát hành bổ sung 22.027.774 cổ phiếu và 534.289.112.230 đồng bằng tiền mặt. Trong đó, cổ tức ứng trước đợt 1 từ lợi nhuận năm 2008 với tỉ lệ cổ tức là 25% với tổng số tiền là 330.418.760.000 đồng.

Chi tiết chênh lệch tỉ giá hối đoái như sau:

	Chênh lệch tỉ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	Chênh lệch tỉ giá của giai đoạn xây dựng cơ bản (PVD Invest) VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại ngày 1/1/2007	-	-	-
Tăng trong năm	9.872.495.037	-	9.872.495.037
Tại 31/12/2007	9.872.495.037	-	9.872.495.037
Tăng trong năm	18.395.662.657	(43.713.163.264)	(25.317.500.607)
Phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	-	21.419.449.999	21.419.449.999
Tại 31/12/2008	28.268.157.694	(22.293.713.265)	5.974.444.429

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Invest và PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PVD Invest	PVD Training
Vốn điều lệ của công ty con	1.000.000.000.000	21.511.660.000
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	510.000.000.000	11.390.620.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	490.000.000.000	10.121.040.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	49.00%	47.05%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2008:

	PVD Invest VNĐ	PVD Training VNĐ	Tổng VNĐ
Tổng tài sản	4.316.397.862.116	28.978.774.152	4.345.376.636.268
Tổng nợ phải trả	(3.337.366.392.387)	(5.098.797.327)	(3.342.465.189.714)
Tài sản thuần	979.031.469.729	23.879.976.825	1.002.911.446.554
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000	21.511.660.000	1.021.511.660.000
Các quỹ khác	(41.037.957.932)	323.444.771	(40.714.513.161)
Lợi nhuận chưa phân phối	20.069.427.661	2.044.872.054	22.114.299.715
Lợi ích của cổ đông thiểu số	479.725.420.167	11.235.311.484	490.960.731.651
<i>Chi tiết như sau:</i>			
Vốn điều lệ	490.000.000.000	10.121.040.000	500.121.040.000
Các quỹ khác	(20.108.599.387)	152.177.817	(19.956.421.570)
Lợi nhuận chưa phân phối	9.834.019.554	962.093.667	10.796.113.221

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	PVD Invest VNĐ	PVD Training VNĐ	Total VNĐ
Lợi nhuận trong năm	15.757.342.990	6.580.660.964	22.338.003.954
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	7.721.098.065	3.096.141.016	10.817.239.081

19. DOANH THU GỘP

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Doanh thu bán hàng	706.391.540.167	795.666.626.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	1.503.016.439.145	936.390.848.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	1.519.338.011.459	1.006.547.873.000
	3.728.745.990.771	2.738.605.347.000

Bao gồm trong doanh thu nêu trên là thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ khoan đất liền đặt tại Algeria với số tiền 142.027.947.079 đồng (năm 2007: 81.910.009.240 đồng). Hiện tại, hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan đất liền đang tạm ngừng từ ngày 25 tháng 7 năm 2008.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Giá vốn hàng bán	663.203.344.102	776.543.544.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	605.585.984.198	497.162.687.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và các dịch vụ khác	1.251.561.527.124	758.223.819.000
	2.520.350.855.424	2.031.930.050.000

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.136.690.199.021	808.917.086.000
Chi phí nhân công	426.668.529.919	204.194.306.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	165.842.679.055	144.871.022.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	697.254.289.649	796.904.412.000
Chi phí khác	93.895.157.780	77.043.224.000
	2.520.350.855.424	2.031.930.050.000

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	73.539.962.615	23.963.583.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.129.326.936	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	56.666.398.238	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	387.073.827	7.971.713.000
	134.722.761.616	31.935.296.000

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí lãi vay	78.731.366.518	76.857.114.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	75.261.228.545	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.264.054.767	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.550.576.000	-
Chi phí tài chính khác	239.377.981	8.445.854.000
	229.046.603.811	85.302.968.000

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	928.748.308.642	579.875.305.000
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(58.319.344.073)	(33.796.581.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	96.287.239.115	12.246.606.000
Thu nhập chịu thuế	966.716.203.684	558.325.330.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.410.872.603	3.541.205.000

Chi tiết về chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	PVD Training VNĐ	PVD Invest VNĐ	Khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	7.459.147.303	21.279.750.980	900.009.410.359	928.748.308.642
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		(74.160.507)	(58.245.183.566)	(58.319.344.073)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	493.293.458	-	95.793.945.657	96.287.239.115
Thu nhập chịu thuế	7.952.440.761	21.205.509.473	937.558.172.450	966.716.203.684
Thuế suất thông thường	12.4%	28%	0%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	983.519.647	5.937.565.332	-	6.921.084.979
Giảm trừ thuế	(64.894.976)	(445.317.400)	-	(510.212.376)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp thuần	918.624.671	5.492.247.932	-	6.410.872.603

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế.

Ngoài PVD Training, BJ-PVD và PVD Invest như đã trình bày dưới đây, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo. Tổng Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vì đây là năm thứ hai Tổng Công ty được miễn toàn bộ thuế thu nhập doanh nghiệp.

PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 0% đến 28% cho các hoạt động. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2005 và năm 2006) và được giảm 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn, và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2005 đến năm 2007) và giảm 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động dịch vụ đào tạo kỹ thuật.

BJ-PVD được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 đến năm 2008) và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo.

PVD Invest có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 28% trong năm 2008 cho thu nhập tính thuế từ hoạt động tài chính.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế về vấn đề ưu đãi thuế của các công ty con bao gồm PVD Logging, PVD Well Services, PVD Tech và PVD Offshore. Tuy nhiên, Tổng Công ty tin tưởng rằng các công ty con nêu trên cũng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp giống như Công ty mẹ. Nếu các công ty con của Tổng Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty sẽ tăng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất sẽ giảm cùng với số tiền là 38.902.700.979 đồng. Theo đó, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng sẽ tăng và giảm tương ứng với số tiền là 38.902.700.979 đồng.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lợi nhuận trong năm	922.258.604.791	571.901.164.896
Trừ: Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	(4.129.326.936)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(10.917.622.720)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	907.211.655.135	571.901.164.896
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	122.089.043	92.360.384
Lãi trên cổ phiếu cơ bản	7.431	6.192

25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria. Các thủ tục quyết toán thuế sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào.

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết vốn

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2007, PVD Invest đã ký hợp đồng với Keppel Fels Limited xây dựng giàn khoan biển cao 517 bộ (PV Drilling II) với giá trị hợp đồng là 191.000.000 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nhà thầu đã hoàn thành phần xây dựng trị giá ước tính 98.365.000 đô la Mỹ. Giá trị còn lại của hợp đồng là 92.635.000 đô la Mỹ sẽ được thực hiện và ước tính hoàn tất vào ngày 30 tháng 10 năm 2009 đang đàm phán để hoàn tất sớm vào ngày 15 tháng 9 năm 2009.

Vào ngày 22 tháng 2 năm 2008, PVD Invest cũng đã ký hợp đồng khác với Nhà thầu Keppel Fels Limited và Nhà thầu Will Alpha xây dựng giàn khoan biển cao 517 bộ (PV Drilling III) với giá trị hợp đồng lần lượt là 185.000.000 đô la Mỹ và 21.000.000 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nhà thầu Keppel Fels Limited đã hoàn thành phần xây dựng trị giá ước tính 98.235.000 đô la Mỹ. Giá trị còn lại của hợp đồng sẽ được thực hiện và ước tính hoàn tất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT KHÁC

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008 VNĐ	31/12/2007 VNĐ
Trong vòng một năm	19.094.565.100	4.042.423.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	54.402.896.236	6.933.471.000
Sau năm năm	18.517.343.594	5.225.432.000
	92.014.804.930	16.201.326.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 8 năm.

Cam kết cung cấp dịch vụ

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2008, Tổng Công ty đã ký hợp đồng cung cấp dịch vụ khoan với Công ty Liên doanh điều hành Vietgazprom ước tính doanh thu là 225.900 đô la Mỹ một ngày. Thời hạn của hợp đồng tối thiểu là 60 ngày, dự kiến thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 1 tháng 6 năm 2009 đến ngày 15 tháng 7 năm 2009.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Doanh thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	203.645.992.732	54.097.813.000
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	1.818.523.473.578	1.509.491.821.000
Mua hàng		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	3.375.509.152	35.395.968.000
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	295.803.054.400	30.017.749.000
Vay từ PVFC		
Giải ngân	-	140.889.154.000
Hoàn trả	44.954.031.500	43.388.546.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lương	4.165.775.341	3.350.866.000
Tiền thưởng	4.900.163.737	680.015.000
Các khoản phúc lợi khác	168.000.000	66.277.000
	9.233.939.078	4.097.158.000

GHI CHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	889.510.280	7.484.868.000
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	111.379.068.171	326.959.746.000
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	9.916.738.956	25.496.522.000
Các khoản vay phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	213.134.775.525	247.256.035.950
Cổ tức phải trả		
Petro Việt Nam	166.464.000.000	-

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này.

30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2009.



Đỗ Văn Khánh
Tổng Giám đốc
20 March 2009

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng